



Km 36, quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội
Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
0223 843 274
<https://miaduongsonla.vn/>
sls.miaduongsonla@gmail.com

MÍA ĐƯỜNG SƠN LA



BÁO CÁO | 2020
THƯỜNG NIÊN | 2021



MỤC LỤC

07 Phần mở đầu

10 Phần I: Tổng quan về **Mía đường Sơn La**

21 Phần II: Quản trị công ty

29 Phần III: Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

35 Phần IV: Báo cáo của Ban tổng giám đốc

47 Phần V: Báo cáo của Hội đồng quản trị

55 Phần VI: Báo cáo phát triển bền vững

70 Phần VII: Báo cáo tài chính



PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp từ chủ tịch Hội đồng quản trị **06**

Các thành tích nổi bật **08**

Tầm nhìn **09**

Tiêu chí hoạt động **09**

Ấn tượng niên vụ 2020 - 2021 **10**





Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng quản trị



“Niên vụ 2020 - 2021 là một niên vụ tương đối thuận lợi cho sản xuất chế biến đường. Nhà máy chế biến đường đã ép được hết sản lượng mía trong vùng nguyên liệu, thu hoạch đúng khung thời vụ, vấn đề này đã đáp ứng được mong muốn của cả công ty và người nông dân trong suốt những năm qua.”

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên

Năm tài chính **2020 - 2021** là một năm nhiều thử thách đối với ngành mía đường nói riêng và kinh tế toàn cầu nói chung. Sau hơn một năm rưỡi dịch bệnh Covid-19 bắt đầu bùng phát, Việt Nam đang bước vào giai đoạn cao điểm với tâm dịch là các trung tâm kinh tế lớn của các nước. Tổng sản phẩm quốc nội trong 6 tháng đầu năm 2021 tăng 5,64% so với cùng kỳ, tuy lớn hơn con số tăng trưởng 1,82% trong 6 tháng đầu năm 2020 tuy nhiên vẫn chưa hồi phục lại so với mức tăng trưởng trước đại dịch. Những tác động tiêu cực đến tình hình sản xuất kinh doanh trong cả nước và đặc biệt là tại các tỉnh thành phía Nam cũng khiến các dự báo về tăng trưởng kinh tế từ các chuyên gia, tổ chức lớn cho cả năm 2021 giảm xuống đáng kể so với dự báo lạc quan đầu năm, chỉ ở mức 5-6%.

Ngành mía đường thế giới cũng gặp những khó khăn khi nhu cầu tiêu thụ vẫn chưa hồi phục hoàn toàn trở lại, tuy giá đường tại thời điểm cuối niên vụ 2020 - 2021 đang trong xu hướng tăng trở lại và sản lượng đường trên toàn thế giới được dự báo là sẽ tăng lên thoát khỏi vị thế thâm hụt trong niên vụ 2020 - 2021. Ngành mía đường trong nước cũng chịu tác động bởi dịch bệnh làm gián đoạn quá trình sản xuất, xuất khẩu và tiêu thụ.

Đi cùng với những quyết sách, chủ trương chống dịch quyết liệt của Đảng và Nhà nước, Công ty cổ phần Mía đường Sơn La cũng đã thực hiện tốt mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch”, “vừa đảm bảo phát triển kinh tế”. Trong năm vừa qua, Công ty đã hoàn thành 99,89% kế hoạch về tổng doanh thu, đạt hơn 815 tỷ đồng. Tuy đây là mức doanh thu ít hơn so với niên

vụ 2019 - 2020 nhưng Công ty đã cải thiện được biên lợi nhuận gộp từ 16,2% lên 25,03%, phản ánh sự nâng cao chất lượng doanh thu của Công ty, nhất là trong giai đoạn khó khăn hiện nay. Điều này cũng góp phần giúp lợi nhuận sau thuế tăng hơn 5 lần so với kế hoạch, đạt 163 tỷ đồng.

Những thành quả trên đạt được là nhờ sự nỗ lực và đồng lòng của Ban Lãnh Đạo, Cán bộ công nhân viên và người nông dân cũng như sự cảm thông chia sẻ của khách hàng đối với Công ty. Kết quả tích cực này cũng cho thấy được các quyết sách và chủ trương của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị là đúng hướng và kịp thời.

Ban lãnh đạo Công ty ý thức được rằng, niên vụ 2021 - 2022 vẫn sẽ tiếp tục là một niên vụ đầy những thách thức. Tình hình tiêu thụ đường trong nước sẽ phụ thuộc nhiều vào việc dịch bệnh có được kiểm soát trong nửa cuối 2021 - đầu 2022. Sản phẩm đường nội địa cũng vẫn đang đứng trước áp lực cạnh tranh rất gắt gao từ các sản phẩm đường nhập khẩu từ Thái Lan và ASEAN, ngay trong bối cảnh mức

thuế chống bán phá giá và được áp dụng lên đường nhập từ Thái Lan. Chính các nguồn đường nhập lậu, nhập khẩu cũng như tình hình sản xuất trong nước gián đoạn sẽ khiến sức cạnh tranh trong ngành tiếp tục gia tăng. Những khó khăn trên sẽ là những bài toán mà Mía đường Sơn La cần phải giải quyết trong niên vụ 2021 - 2022.

Bên cạnh những khó khăn, sự can thiệp kịp thời từ chính sách nhà nước cũng như những tia sáng trong nỗ lực đẩy lùi dịch bệnh, khôi phục thị trường chung sẽ là bàn đạp để Công ty hướng tới niên vụ 2021 - 2022 thành công. Chúng tôi tin, với sự cố gắng, nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên và ban lãnh đạo, sự tín nhiệm, ủng hộ của các Quý cổ đông, Khách hàng và các Nhà đầu tư, **Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La** sẽ vượt qua những khó khăn chung của ngành, hoàn thành xuất sắc kế hoạch niên vụ 2021-2022 và đạt được những mục tiêu phát triển bền vững cho các năm tiếp theo.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm và đồng hành của Quý vị!

Thay mặt Hội đồng quản trị

**Chủ tịch
Đặng Việt Anh**

Các thành tích nổi bật



CHỦ TỊCH NƯỚC TRAO TẶNG CÔNG TY HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA.



TỔNG GIÁM ĐỐC BHXH VIỆT NAM TẶNG BẰNG KHEN CHO CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN TỐT CHÍNH SÁCH BHXH, BHYT.



CÔNG ĐOÀN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH SƠN LA TẶNG CỜ DẪN ĐẦU PHONG TRÀO “XANH-SẠCH-ĐẸP, BẢO ĐẢM ATVSLĐ”.



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TẶNG CỜ THI ĐUA HOÀN THÀNH XUẤT SẮC, TOÀN DIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC, DẪN ĐẦU PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC CỦA TỈNH SƠN LA



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA TẶNG CỜ THI ĐUA XUẤT SẮC CHO CÔNG TY ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC VÀ NHIỀU BẰNG KHEN.



BAN CHẤP HÀNH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM TẶNG BẰNG KHEN CHO CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA “ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA LAO ĐỘNG GIỎI VÀ XÂY DỰNG TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VỮNG MẠNH.

Giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

Trở thành Công ty sản xuất Công – Nông nghiệp với công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La có bề dày hơn 20 năm thành lập và phát triển, trải qua nhiều lần thay đổi, cải cách cả về máy móc, con người lẫn cơ cấu tổ chức. Trong mọi giai đoạn phát triển, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La luôn nỗ lực đưa công ty trở thành một trong những công ty hàng đầu trong ngành mía đường theo một cách bền vững. Công ty luôn chủ động nắm bắt những công nghệ sản xuất mía đường tiên tiến nhất, đi cùng với đó là công tác đảm bảo vệ sinh môi trường nhằm hướng tới sự phát triển bền vững

không chỉ cho bản thân công ty mà còn cho xã hội và cộng đồng.

Sở hữu đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, vùng nguyên liệu ổn định bền vững, mang đến cho đối tác và khách hàng các sản phẩm tiện ích với chi phí hợp lý, chất lượng cao. Nhân tố con người luôn được Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đề cao. Đội ngũ nhân viên công ty luôn thể hiện tinh thần, trách nhiệm và sự cầu thị cao trong công việc nhằm mang lại hiệu quả làm việc cao và những thông lệ tốt đẹp cho công ty. Điều này được thể hiện rõ qua kết quả sản xuất kinh doanh và chất lượng sản phẩm của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.



Tiêu chí hoạt động

- Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định, lâu dài trên cơ sở đảm bảo lợi ích hài hòa của Công ty và người trồng mía;
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, tối đa hóa lợi ích của khách hàng để tạo giá trị gia tăng chung cho công ty và xã hội;
- Tăng trưởng bền vững;
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và thu nhập của người lao động;
- Đóng góp thiết thực cho ngân sách địa phương và quan tâm đến công tác an sinh xã hội của cộng đồng.



Ấn tượng niên vụ 2020 - 2021

1.193 tỷ đồng giá trị tài sản

Doanh thu **801,1** tỷ

Biên lợi nhuận gộp tăng **56%**

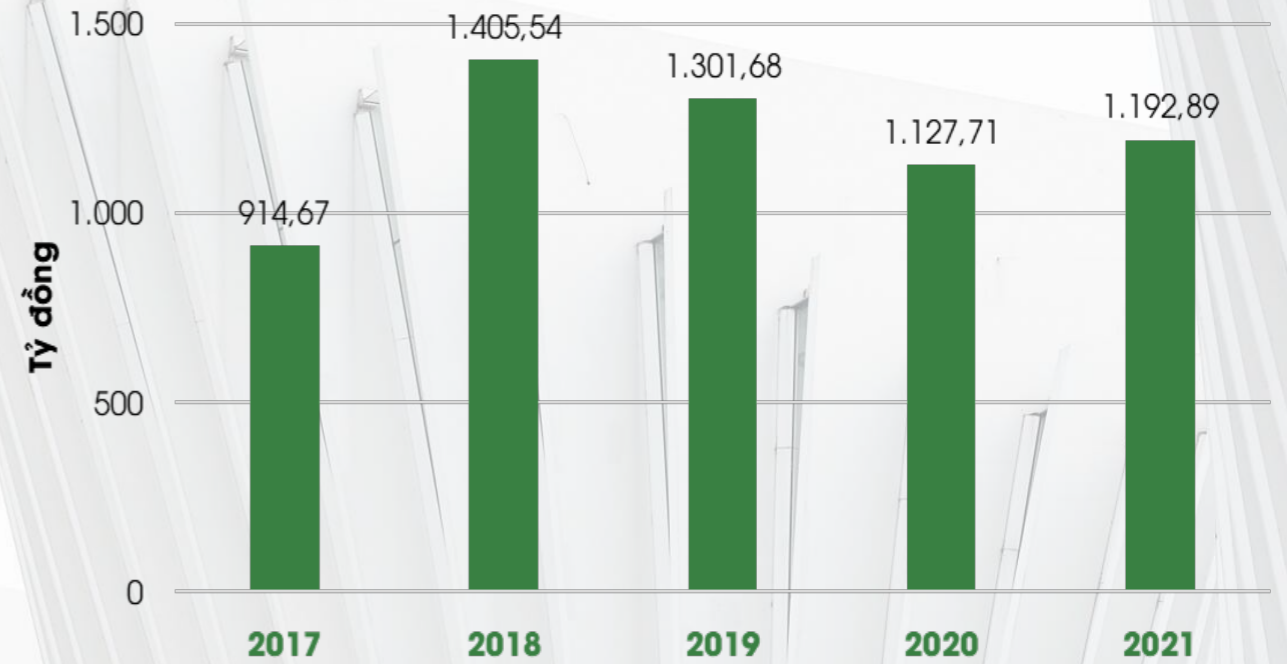
Lợi nhuận sau thuế **163,8** tỷ, tăng 37%

522.548 tấn mía nguyên liệu thu hoạch

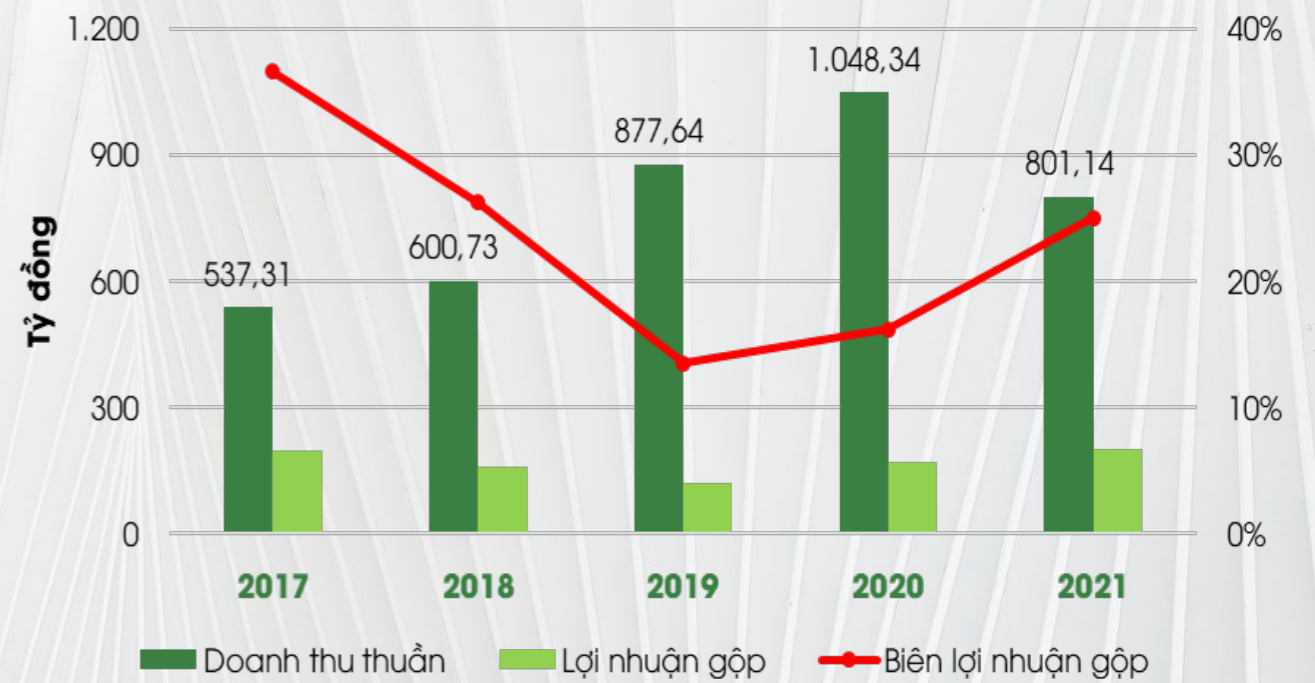
9700 hộ trồng mía liên kết



Giá trị tổng tài sản qua các năm



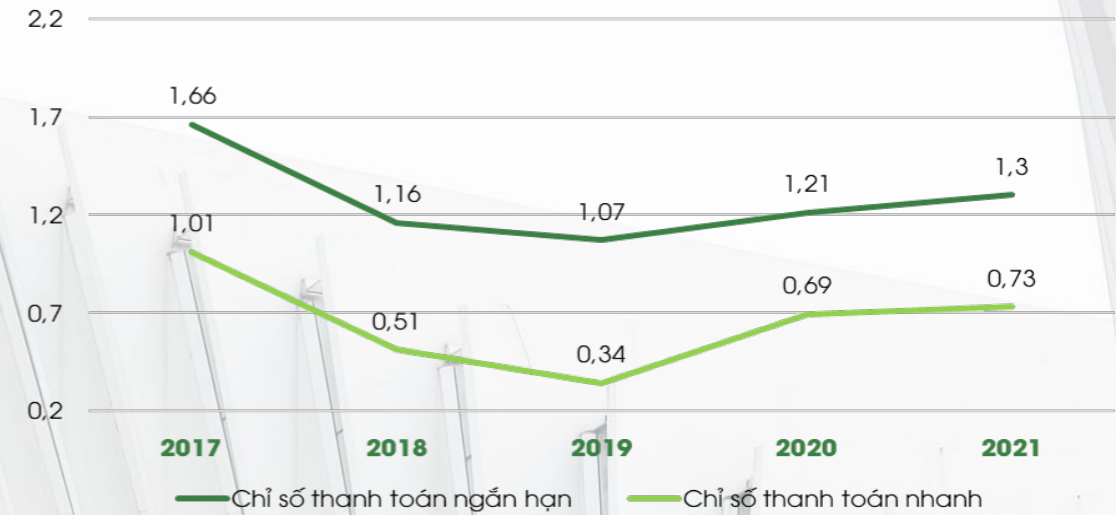
Doanh thu thuần và biên lợi nhuận gộp



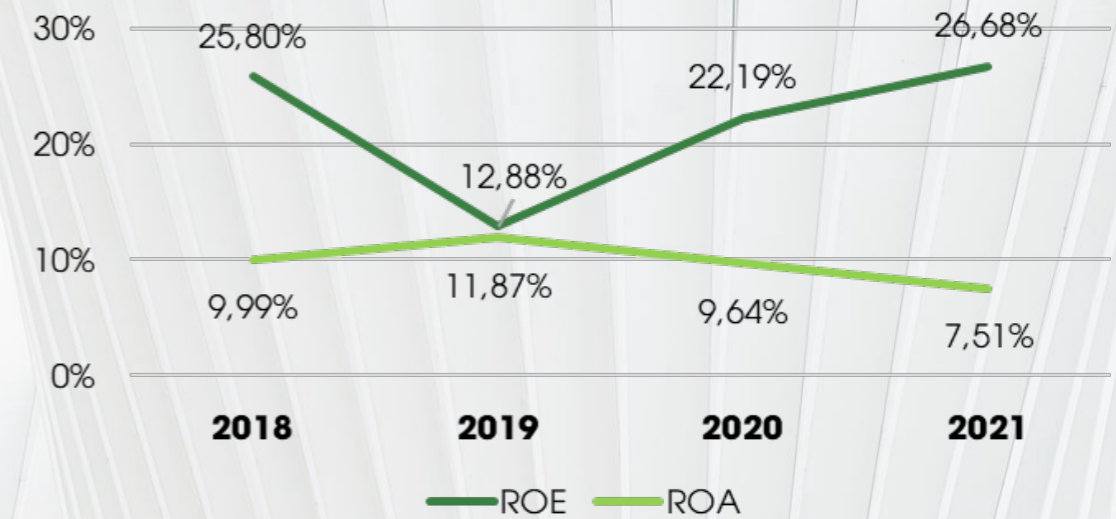
Một số chỉ tiêu tài chính tiêu biểu của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tăng trưởng %
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu thuần	1.048.343.288.061	801.136.602.291	-24%
Giá vốn hàng bán	878.505.773.395	600.480.759.423	-32%
Lợi nhuận gộp	169.837.514.666	200.655.842.868	18%
Lợi nhuận thuần	118.932.121.559	163.869.737.585	38%
Lợi nhuận trước thuế	119.316.884.543	163.809.094.802	37%
Lợi nhuận sau thuế	119.316.884.543	163.809.094.802	37%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.705	16.729	37%
Bản cân đối kế toán			
Tài sản ngắn hạn	459.177.981.607	565.390.612.744	23%
Tài sản dài hạn	668.531.495.794	627.497.176.068	-6%
Tổng cộng tài sản	1.127.709.477.401	1.192.887.788.812	6%
Nợ ngắn hạn	378.300.913.793	433.704.594.266	15%
Nợ dài hạn	178.200.000.000	102.400.000.000	-43%
Nợ phải trả	556.500.913.793	536.104.594.266	-4%
Vốn chủ sở hữu	571.208.563.608	656.783.194.546	15%
Vốn điều lệ	97.919.450.000	97.919.450.000	0%
Tổng cộng nguồn vốn	1.127.709.477.401	1.192.887.788.812	6%
Hệ số tài chính			
Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu	97,43%	81,63%	-16%
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	68,90%	73,35%	6%
Vòng quay hàng tồn kho	2,78	2,69	-3%
ROE	22,19%	26,68%	20%
ROA	9,82%	14,12%	44%
EBITDA	20,36%	31,13%	53%

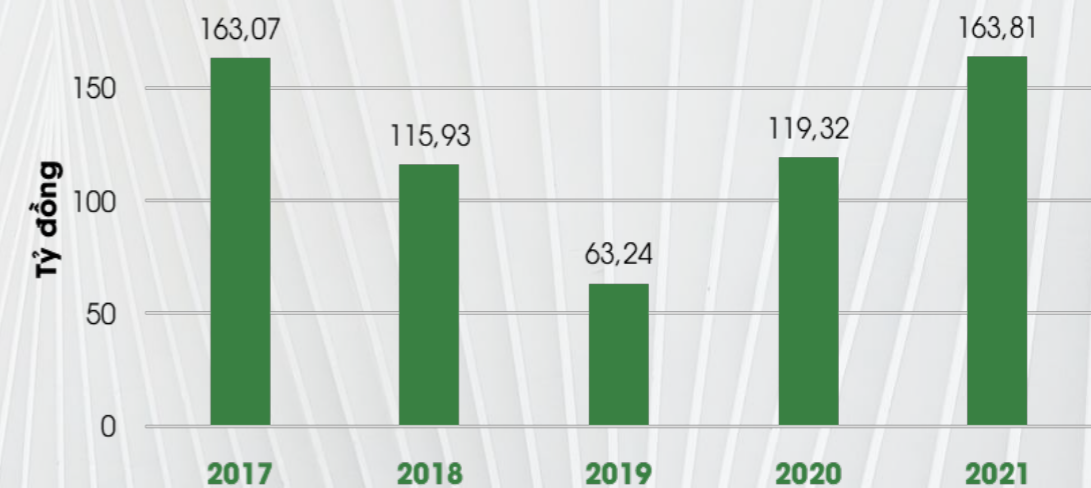
Các chỉ tiêu thanh toán



ROE & ROA



Lợi nhuận sau thuế





PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Tổng quan về CTCP Mía đường Sơn La **16**

Lịch sử hình thành và phát triển **18**

Ngành nghề và địa bàn **20**

Phân tích SWOT **22**

Các rủi ro trọng yếu **24**

Định hướng phát triển **28**



Tổng quan về Công ty cổ phần Mía đường Sơn La

Tên công ty	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La
Tên viết tắt	SLS
Tên tiếng Anh	Son La Sugar JSC
Trụ sở	Km 34, Quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
Điện thoại	0223 843 274
Fax	0223 843 406
Email	sls.miaduongsomla@gmail.com
Website	https://miaduongsomla.vn/
Ngành nghề kinh doanh	<p>Đường: Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm sau đường.</p> <p>Phân bón và cây giống: Sản xuất, cung ứng phân bón và giống cây con.</p> <p>Kinh doanh nhiên liệu: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.</p> <p>Kinh doanh khác: Vận tải hàng hóa đường bộ, kho bãi, lưu giữ hàng hóa, xây dựng công trình làm kênh, mương nội đồng, giao thương vùng nguyên liệu mía.</p>
Mã cổ phiếu	SLS
Vốn điều lệ	97.919.450.000 đồng
Số lượng cổ phiếu lưu hành	9.791.945 cổ phiếu
Người đại diện	Đặng Việt Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lịch sử hình thành và phát triển

Khởi công xây dựng Công ty cổ phần Mía đường Sơn La tiền thân là Nhà máy Đường Sơn La trực thuộc Nông trường quốc doanh Tô Hiệu Sơn La quản lý.

UBND tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 558/QĐ-UB về việc thành lập Công ty Mía đường Sơn La trên cơ sở chuyển giao nhiệm vụ xây dựng Nhà máy đường của Nông trường Quốc doanh Tô Hiệu. Theo đó, Nhà máy đường Sơn La được đổi tên thành Công ty Mía đường Sơn La

UBND tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 50/QĐ-DNNN về việc quyết định thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty Mía đường Sơn La trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

Trong giai đoạn từ năm 1997 đến năm 2006 tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty kém hiệu quả có chiều hướng đi xuống và có nhiều khả năng phải phá sản

UBND tỉnh Sơn La đã chủ trì cuộc họp cùng với các Ban, ngành chức năng làm việc với Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp – Bộ Tài chính (DATC) để tìm ra các biện pháp giải quyết, hỗ trợ cho Công ty Mía đường Sơn La đủ điều kiện để chuyển đổi thành công ty cổ phần.

09/1995



04/1996



08/1997



1997-2006



10/2006

31/10/2015

Công ty Mua bán nợ Việt Nam đại diện phần vốn góp Nhà nước đã chính thức thoái hết phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty cổ phần mía đường Sơn La. Công ty cổ phần mía đường Sơn La không còn vốn nhà nước tại thời điểm này.

16/10/2012

SGDCK Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Cổ phiếu Công ty cổ phần mía đường Sơn La niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: SLS

02/2008

Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La thành công. Công ty Mía đường Sơn La chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.

01/2008

Chủ tịch UBND – Trưởng ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Sơn La đã có văn bản số 220 / UBND - KTTH về việc ủy quyền cho Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp chủ trì triệu tập và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.

11/2007

UBND tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 2761/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cơ cấu tài chính và chuyển đổi sở hữu Công ty Mía đường Sơn La từ công ty Nhà nước sang công ty cổ phần.

04/2007

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công văn số 419/ TTG_NN về việc sắp xếp đổi mới Công ty Mía đường Sơn La.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- 1** Đường: Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm sau đường.
- 2** Phân bón và cây giống: Sản xuất, cung ứng phân bón và giống cây con.
- 3** Kinh doanh nguyên liệu: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- 4** Vận tải hàng hóa đường bộ, kho bãi, lưu giữ hàng hóa
- 5** Xây dựng công trình làm kênh, mương nội đồng, giao thương vùng nguyên liệu mía.

Địa bàn kinh doanh

Các sản phẩm chính của công ty hiện nay chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường các tỉnh thành phố:

1. Hà Nội
2. Hải Phòng
3. Hải Dương
4. Vĩnh Phúc

Ngoài ra công ty cũng có mạng lưới phân phối sản phẩm ở hầu khắp các tỉnh thành lân cận.



Các sản phẩm chủ đạo

Đường kính RS



Đây là sản phẩm chủ lực của Công ty và được chế biến với dây chuyền công nghệ hiện đại. Đường được làm từ nguyên liệu là cây mía tươi và một số phụ gia được phép sử dụng trong lĩnh vực chế biến thực phẩm. Hiện nay sản phẩm này đang được công ty đóng gói theo ba loại: túi 0,5 kg, túi 1 kg và bao 50 kg.

Phân vi sinh



Phân phức hợp hữu cơ vi sinh được chế biến từ các chế phẩm vi sinh với công nghệ tiên tiến, hiện đại. Sản phẩm có công dụng tăng cường hữu cơ cho đất, cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng, tăng khả năng kháng sâu bệnh, chịu hạn, kích thích phát triển cho cây mía, tăng năng suất từ 10-15%. Đây là loại phân được Công ty Mía đường Sơn La sản xuất chủ yếu để bón lót, bón thúc cho vùng nguyên liệu của công ty.

Xăng dầu



Công ty kinh doanh xăng dầu, cung cấp kịp thời, đáp ứng nhu cầu cho các phương tiện chuyên chở hàng hóa trong nội bộ Công ty.

Đường RE



Đây là sản phẩm mới của công ty. Được sản xuất từ cây mía và có độ tinh khiết rất cao nên còn được gọi là đường trắng tinh khiết. Trong quá trình sản xuất hoàn toàn không sử dụng hóa chất tẩy trắng nhưng vẫn loại bỏ được tạp chất, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.

Phân tích SWOT

STRENGTH

Điểm mạnh

- Giá thành đường ở mức thấp hơn trung bình ngành do sở hữu dây chuyền sản xuất hiện đại, chất lượng mía nguyên liệu tốt
- Hoạt động sản xuất đạt hiệu quả cao với hiệu suất đường/mía tốt nhất cả nước;
- Sở hữu vùng nguyên liệu ổn định (gần 8.000 ha ~ hơn 3% vùng nguyên liệu trên cả nước) vì tạo được mối quan hệ tốt với người nông dân thông qua các chiến lược hợp tác bền vững, hỗ trợ người nông dân từ giống mía đến tu sửa cơ sở vật chất vận chuyển cho địa phương
- Thổ nhưỡng phù hợp với canh tác mía, cho năng suất tốt, trữ đường mía cao.

WEAKNESS

Điểm yếu

- Vùng nguyên liệu đồi núi mạnh mún, khó cơ giới hóa;
- Chất lượng cây mía phụ thuộc hoàn toàn vào điều kiện thời tiết do thiếu đầu tư vào hệ thống tưới tiêu quy lớn cho vùng nguyên liệu.

OPPORTUNITIES

Cơ hội

- Thổ nhưỡng và điều kiện tự nhiên thuận lợi, đem lại mía có năng suất ổn định và chữ đường cao nhất miền Bắc;
- Tiếp tục được miễn thuế Thu nhập Doanh nghiệp từ hoạt động chế biến sản xuất nông sản do vị trí nhà máy ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

THREATS

Thách thức

- Công ty gặp phải sự cạnh tranh về giá với đường lậu, đường lỏng chủ yếu từ Thái Lan;
- Từ ngày 01/01/2020 Việt Nam đã chính thức thực hiện hiệp định ATIGA bãi bỏ hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đường từ các nước ASEAN.

Các rủi ro trọng yếu

Rủi ro về kinh tế: Cũng giống như bất kỳ ngành sản xuất nào, ngành mía đường cũng chịu ảnh hưởng lớn từ biến động kinh tế thế giới và kinh tế nội địa. Sự thay đổi về tổng sản phẩm quốc nội, lãi suất, nhu cầu tiêu dùng trong nước và các thành tố khác trong nền kinh tế sẽ quyết định rất lớn đến sự phát triển của ngành và đối với một ngành sản xuất thực phẩm mang tính thiết yếu như ngành sản xuất đường thì lại càng quan trọng. Mỗi sự thay đổi của các yếu tố kinh tế vĩ mô sẽ tạo ra các điều kiện khác nhau buộc doanh nghiệp vì mô phải có những thích ứng phù hợp. Trong bối cảnh hiện tại, khi nền kinh tế bị đứt gãy do ảnh hưởng từ đại dịch, Công ty cần có nhiều những thay đổi cấp bách, quyết liệt nhằm giữ sự ổn định trong sản xuất và đảm bảo được mục tiêu phát triển bền vững.



Rủi ro về pháp luật: Mía đường Sơn La, với tư cách là một doanh nghiệp sản xuất đường đã đại chúng hóa và chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ năm 2012, chịu nhiều sự điều chỉnh và quản

lí từ hệ thống luật pháp Việt Nam cũng như các hiệp định thương mại quốc tế. Các hoạt động của Công ty phải tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật đầu tư, pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như các nghị định, thông tư liên quan hướng dẫn thực hiện và các hiệp ước quốc tế như ATIGA, TPP, EVFTA. Trong bối cảnh mà hệ thống pháp luật ở Việt Nam còn đang trong giai đoạn đổi mới, hoàn thiện thì việc gặp phải những rủi ro trong lỗ hổng và trong thực hành luật là không thể tránh khỏi. Trên tinh thần thượng tôn pháp luật và cam kết tôn trọng lợi ích của tất cả các bên liên quan đối với hoạt động của Công ty, Mía đường Sơn La sẽ liên tục cập nhật, đào tạo và trao đổi về cơ chế luật hiện hành và những thay đổi để đảm bảo hạn chế tối đa việc vi phạm pháp luật.

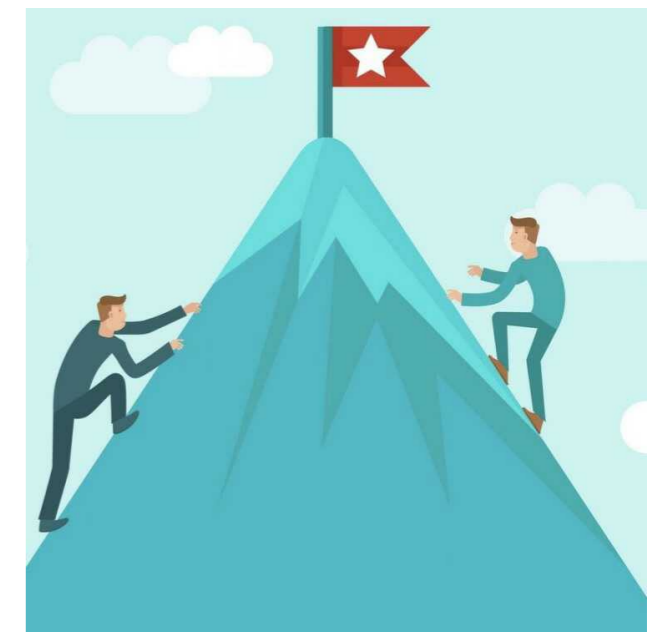


Rủi ro về vùng nguyên liệu: Ngành mía đường Việt Nam đang chứng kiến xu hướng diện tích vùng nguyên liệu mía giảm dần qua các năm, ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu mía ép đầu vào. Nguyên nhân chủ yếu là do trong giai đoạn phát triển trước của ngành đường nội địa,

việc quy hoạch các khu vực nhà máy chưa nằm tại các địa bàn tối ưu cho việc canh tác mía. Hiện tại, năng suất và chất lượng cây mía không đủ cao, vừa giảm tính cạnh tranh cho các doanh nghiệp chế biến đường, vừa là rào cản khiến các hộ nông dân chuyển sang nuôi trồng các loại cây khác mang giá trị công nghiệp cao hơn. Hệ quả là vùng nguyên liệu mía đang không bền vững, các doanh nghiệp mía đường có thể phải thu mua mía từ các nguồn xa nhà máy hơn, làm chi phí vận chuyển tăng cao. Đối với đặc điểm của Công ty, vùng nguyên liệu mía đồi núi Tây Bắc Bộ - Sơn La có thổ nhưỡng phù hợp hơn với việc trồng mía, tuy nhiên Công ty vẫn gặp khó khăn do diện tích trồng nhỏ, manh mún đến từ một số lượng rất lớn các hộ nông dân. Nhiều trong số các hộ nông dân này muốn chuyển đổi cây trồng, ảnh hưởng đến sản lượng mía đầu vào và tính ổn định của nguồn cung. Công ty đã và đang liên tục hỗ trợ về cây giống, phân bón, cải tạo đường xá cho tất cả các hộ nông dân và tỉnh Sơn La trong việc đảm bảo tính liên tục và bền vững của vùng nguyên liệu mía.



Rủi ro về cạnh tranh: Trong khi ngành sản xuất mía đường bị chi phối rất lớn từ nguyên liệu đầu vào cũng như đây là ngành thâm dụng lao động, biên lợi nhuận không quá cao nhưng áp lực cạnh tranh là rất lớn. Trong nội địa, Công ty phải cạnh tranh với các xưởng ép nhỏ lẻ và các Công ty mía đường lớn khác trên cả nước như Đường Quảng Ngãi, Đường Lam Sơn. Ngoài ra, áp lực cạnh tranh còn đến từ đường nhập khẩu Thái Lan, đường lỏng cũng như đường nhập lậu thường có giá rẻ hơn. Đối tượng khách hàng chính của Công ty là các doanh nghiệp, tổ chức phân phối và tiêu thụ đường làm nguyên liệu đầu vào nên sức cạnh tranh về giá là rất lớn và nếu không thể cạnh tranh được thì nguy cơ bị mất thị phần là rất lớn. Đối với các hình thức cạnh tranh không lành mạnh, sức bảo hộ từ phía đường Thái Lan, Bộ công thương cũng đã có những biện pháp bảo hộ đường trong tháng 6/2021 và đây có thể coi là cú hích cho sức cạnh tranh của ngành sản xuất đường nội địa.



Rủi ro ô nhiễm môi trường:

Quá trình sản xuất đường từ cây mía sẽ sinh ra một số phụ phẩm như bã mía, mật rỉ, bùn lọc... Đây là các chất thải hữu cơ, không gây độc hại về mặt hóa chất nhưng nếu không được xử lý thì có thể gây ô nhiễm nghiêm trọng tới môi trường. Tuy nhiên với công nghệ xử lý chất thải hiện tại hoàn toàn có thể xử lý được hết các chất thải độc hại này. Công ty phải quan tâm việc nâng cấp, đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải, chủ động tận dụng một phần phế phẩm trong quá trình sản xuất đường từ cây mía để làm thành phân vi sinh, xăng sinh học nhằm tối đa hóa lợi nhuận từ cây mía và giảm thiểu tác hại tới môi trường



Rủi ro về thời tiết và biến đổi

khí hậu: Là một ngành sản xuất có đầu vào là sản phẩm nông nghiệp nên ngành sản xuất đường mía chịu ảnh hưởng rất lớn từ tác động của thời tiết và môi trường. Biến đổi khí hậu khiến các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, mưa lũ, giông bão xảy ra thường xuyên hơn. Các hiện tượng El Nino và La Nina cũng khó đoán hơn và cường độ mạnh hơn cũng khiến việc kiểm soát chất lượng mía khó khăn hơn. Biến đổi khí hậu toàn cầu cũng đang diễn ra rất

ng nghiêm trọng tại Việt Nam và nguy cơ nhiều giống cây trồng khó thích ứng với những biến đổi này là hiện hữu. Nhận thức được rủi ro lớn về thời tiết và môi trường, Công ty chủ động trong việc nghiên cứu, tìm tòi các giống mía mới, hỗ trợ bà con nông dân trong việc canh tác, ứng phó với thời tiết cực đoan, biến đổi khí hậu, đặc biệt là với mưa lũ tại địa phương có địa hình đồi núi như tỉnh Sơn La.



Rủi ro khác:

Ngoài các rủi ro mang tính hệ thống và phi hệ thống trên, Công ty cũng chịu những rủi ro bất thường ngoài tầm kiểm soát như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, tổn thất về nhân lực. Tuy nguy cơ xảy ra là không cao nhưng các rủi ro trên thường đem lại hậu quả bất thường, gây thiệt hại nặng nề nếu như không có sự đề phòng trước. Công ty luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, dự phòng trước những thiên tai bất thường đặc trưng tại địa phương. Đặc biệt, dịch bệnh Covid-19 là rủi ro chung rất lớn của toàn thế giới và Công ty cũng đã có những thay đổi, tư duy mới để kịp thời đối phó với diễn biến chung của dịch bệnh.



Một số hình ảnh tại nhà máy sản xuất đường

Định hướng phát triển

Trở thành Công ty sản xuất Công - Nông nghiệp với công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La có bề dày hơn 20 năm thành lập và phát triển, trải qua nhiều lần thay đổi, cải cách cả về máy móc, con người lẫn cơ cấu tổ chức. Trong mọi giai đoạn phát triển, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La luôn nỗ lực đưa công ty trở thành một trong những công ty hàng đầu trong ngành mía đường theo một cách bền vững. Công ty luôn chủ động nắm bắt những công nghệ sản xuất mía đường tiên tiến nhất, đi cùng với đó là công tác đảm bảo vệ sinh môi trường nhằm hướng tới sự phát triển bền vững không chỉ cho bản thân công ty mà còn cho xã hội và cộng đồng.

Sở hữu đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, vùng nguyên liệu ổn định bền vững, mang đến cho đối tác và khách hàng các sản phẩm tiện ích với chi phí hợp lý, chất lượng cao. Nhân tố con người luôn được Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đề cao. Đội ngũ nhân viên công ty luôn thể hiện tinh thần, trách nhiệm và sự cầu thị cao trong công việc nhằm mang lại hiệu quả làm việc cao và những thông lệ tốt đẹp cho công ty. Điều này được thể hiện rõ qua kết quả sản xuất kinh doanh và chất lượng sản phẩm của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.



- 1. Liên tục cải tiến công nghệ, năng lực sản xuất và chất lượng hiệu quả hoạt động nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty**
- 2. Phát triển vùng nguyên liệu bền vững. Đưa ra các chính sách thu mua và hỗ trợ cho cây mía một cách phù hợp để đảm bảo lợi ích giữa công ty và người nông dân.**
- 3. Đảm bảo chất lượng, điều kiện lao động, các chính sách phúc lợi hợp lý và đúng quy định pháp luật cho cán bộ công nhân viên công ty.**
- 4. Thực hiện tốt các mục tiêu phát triển bền vững mà Ban lãnh đạo công ty đề ra**
- 5. Nâng cao uy tín, chất lượng sản phẩm, tạo mối quan hệ tốt với các đối tác và nhà đầu tư.**

PHẦN II: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Sơ đồ tổ chức bộ máy **32**

Thành phần ban lãnh đạo **34**

Thông tin cổ đông và cổ phiếu **39**

Quá trình tăng vốn điều lệ **40**

Thù lao HĐQT, BKS và TGD **40**

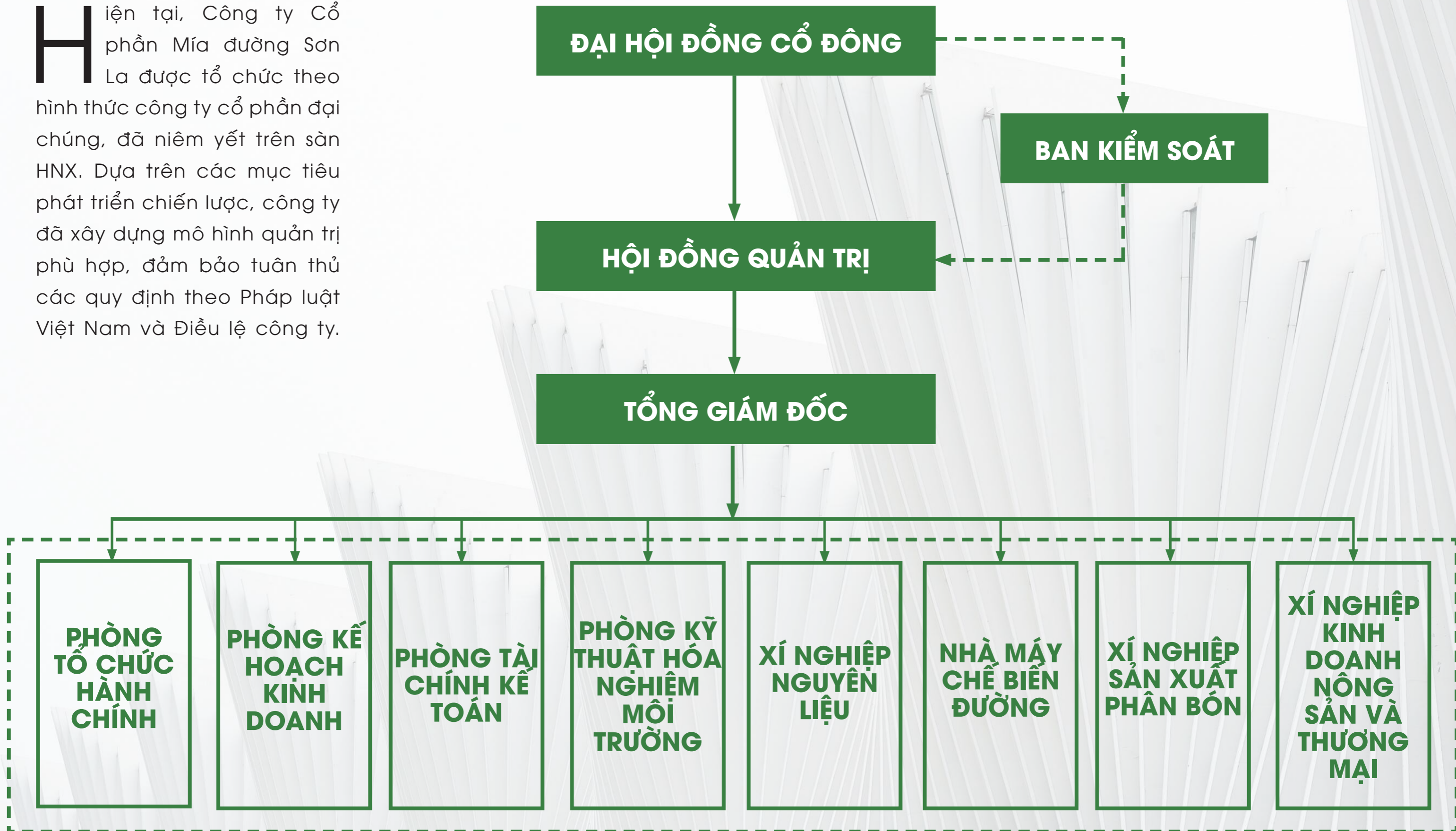
Báo cáo của BKS về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh **42**

Công bố thông tin niên vụ 2020 - 2021 **47**



Sơ đồ tổ chức bộ máy

Hiện tại, Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La được tổ chức theo hình thức công ty cổ phần đại chúng, đã niêm yết trên sàn HNX. Dựa trên các mục tiêu phát triển chiến lược, công ty đã xây dựng mô hình quản trị phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định theo Pháp luật Việt Nam và Điều lệ công ty.



Thành phần ban lãnh đạo

1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Đặng Việt Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	73.958	0,76%
Trần Ngọc Hiếu	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	131.731	1,35%
Nguyễn Trường Chinh	Thành viên Hội đồng quản trị	0	0%
Thái Văn Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị	0	0%
Trần Thị Nhi	Thành viên Hội đồng quản trị	0	0%



Ông ĐẶNG VIỆT ANH Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nơi sinh | Củ Chi, TP.HCM
Năm sinh | 1978
Địa chỉ | Quận 5, TP. HCM
Trình độ | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- 2006 - 2007
 - CTCP Chứng khoán Ngân hàng phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long
- 2007 - 2008
 - CTCP Chứng khoán Việt Quốc
- 2009 - 2010
 - TCT Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước chi nhánh khu vực phía Nam.
- 2010 - 2011
 - Thành viên HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre.
- 2013 - 2015
 - Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum.
- 2015 - nay
 - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sơn La



Ông TRẦN NGỌC HIẾU Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nơi sinh | Hà Nội
Năm sinh | 1956
Địa chỉ | Quận 5, TP. HCM

Quá trình công tác

- 1976 - 1981
 - Thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia mặt trận chiến trường Campuchia
- 1982 - 1997
 - Chuyên ngành Kinh doanh Lương thực thực phẩm.
- 2015
 - CTCP Chứng khoán Việt Quốc.
- 2015 - nay
 - Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, kiêm Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La.



Ông NGUYỄN TRƯỜNG CHINH Thành viên Hội đồng Quản trị

Nơi sinh | Hòa An, Tuy Hòa, Phú Yên
Năm sinh | 1972
Địa chỉ | Tuy Hòa, Phú Yên

Quá trình công tác

- 1996 - 2001
 - Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật - Công ty Mía đường Tuy Hòa
- 2001 - 2008
 - Quản đốc Phân xưởng Đường - Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa.
- 2009 - 2016
 - Giám đốc Nhà Máy Đường - Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa.
- 2017 - 2018
 - Giám đốc xí nghiệp chế biến đường Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.
- 2018 - nay
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.



Ông THÁI VĂN HÙNG
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Nơi sinh | Hội An, Quảng Nam
Năm sinh | 1972
Địa chỉ | Tuy Hòa, Phú Yên

Quá trình công tác

- 1995 - 1996 • Kỹ thuật viên Phòng Kỹ Thuật CTCP Mía đường Tuy Hòa.
- 1996 - 2000 • Phó quản đốc Phân xưởng sản xuất đường CTCP Mía đường Tuy Hòa.
- 2001 • Trưởng phòng kỹ thuật - KCS CTCP Mía đường Tuy Hòa.
- 2011 - 2016 • Trưởng phòng Vật tư, đầu tư và xây dựng cơ bản CTCP Mía đường Tuy Hòa.
- 2016 - nay • Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.



Bà TRẦN THỊ NHÌ
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Nơi sinh | Quảng Bình
Năm sinh | 1964
Địa chỉ | Quận 3, TP.HCM

Quá trình công tác

- 1984 - 1989 • - Phụ trách kế toán, trường dạy nghề nội thương Bình Trị Thiên.
- 1989 - 2010 • - Phó phòng kế toán, Kế toán trưởng kiêm Phó TGD Công ty Thương mại Quảng Trị.
- 2010 - 2013 • - Phó GD Công ty CP Thương mại - Dịch vụ Quảng Trị.
- 2014 - 2015 • - Thành viên BKS Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.
- 2015 - 2016 • - Trưởng BKS Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.
- 2016 - nay • - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La

2 Ban Kiểm Soát



Bà NGUYỄN THỊ THỦY
Trưởng Ban Kiểm Soát

Nơi sinh | Bình Dương
Năm sinh | 1960
Địa chỉ | Thuận An, Bình Dương

Quá trình công tác

- 1985 - 1987 • Cục Thuế Bình Dương
- 1987 - 2014 • Công ty Cổ phần Đường Bình Dương
- 2014 - nay • Công ty TNHH Kim Hà Việt
- 2016 - nay • Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.



Ông NGUYỄN VĂN TÀI
Thành viên Ban Kiểm Soát

Nơi sinh | Thái Bình
Năm sinh | 1968
Địa chỉ | Mai Sơn, Sơn La

Quá trình công tác

- 1997 - nay • Công tác tại Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
- 2018 - nay • Thành viên BKS Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.



Ông NGUYỄN VĂN MINH Thành viên Ban Kiểm Soát

Nơi sinh | Sơn La
Năm sinh | 1967
Địa chỉ | Mai Sơn, Sơn La

Quá trình công tác

- 1997 - 2008 • CB Kỹ thuật Xí nghiệp Chế Biến Đường Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
- 2008 - 2013 • Phó giám đốc Xí nghiệp Chế Biến Đường - Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
- 2014 - 2015 • Chuyên viên phòng kế hoạch Kinh doanh - Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
- 2014 - 2015 • Thành viên BKS Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.
- 2015 - 2016 • Phó giám đốc Xí nghiệp Chế Biến Đường - Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
- 2016 - 2018 • Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Chế Biến Đường - Công ty cổ phần Mía đường Sơn La.
- 2018 - nay • Thành viên BKS Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La.

3 Ban Tổng Giám Đốc



Ông TRẦN NGỌC HIẾU Tổng giám đốc

Nơi sinh | Hà Nội
Năm sinh | 1956
Địa chỉ | Quận 5, TP. HCM

Quá trình công tác

Xem phần Hội đồng quản trị

Thông tin cổ đông và cổ phiếu

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	SLS
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/ cổ phiếu
Ngày bắt đầu niêm yết/ đăng ký giao dịch	16/10/2012
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	9.791.945
Tổng số cổ phiếu quỹ	0
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	9.791.945
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	0

	Số lượng	Tỷ lệ
Cổ đông lớn	4.154.860	42,43%
Cổ đông nhỏ	5.637.085	57,57%
Cổ phiếu quỹ	0	0%
Tổng	9.791.945	100%
Cổ đông trong nước	9.763.846	99,71%
Cổ đông nước ngoài	28.099	0,21%
Cổ phiếu quỹ	0	0%
Tổng	9.791.945	100%
Cổ đông cá nhân	8.318.708	84,95%
Cổ đông tổ chức	1.473.237	15,05%
Cổ phiếu quỹ	0	0%
Tổng	9.791.945	100%

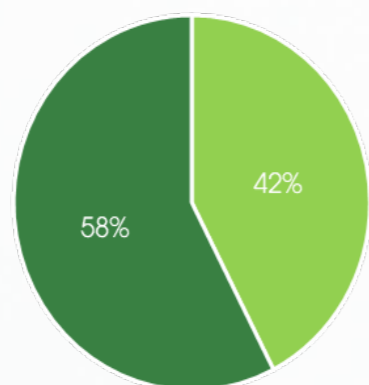
Thông tin cổ đông và cổ phiếu tại ngày 23/08/2021

Năm tài chính 2020 - 2021 không phát sinh các giao dịch liên quan đến cổ đông lớn, giao dịch giữa người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

Danh sách cổ đông lớn

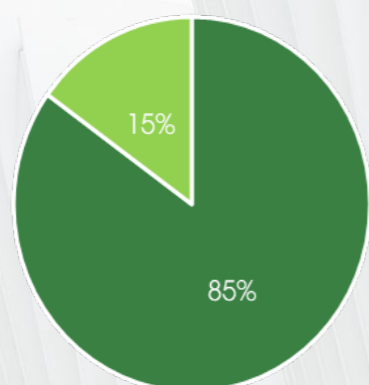
STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Thị Thái	2.686.060	27,43%
2	Công ty TNHH Thái Liên	1.468.800	15,00%
3	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn	5.637.085	57,57%

Cơ cấu theo tỉ lệ sở hữu



■ Cổ đông lớn ■ Cổ đông nhỏ

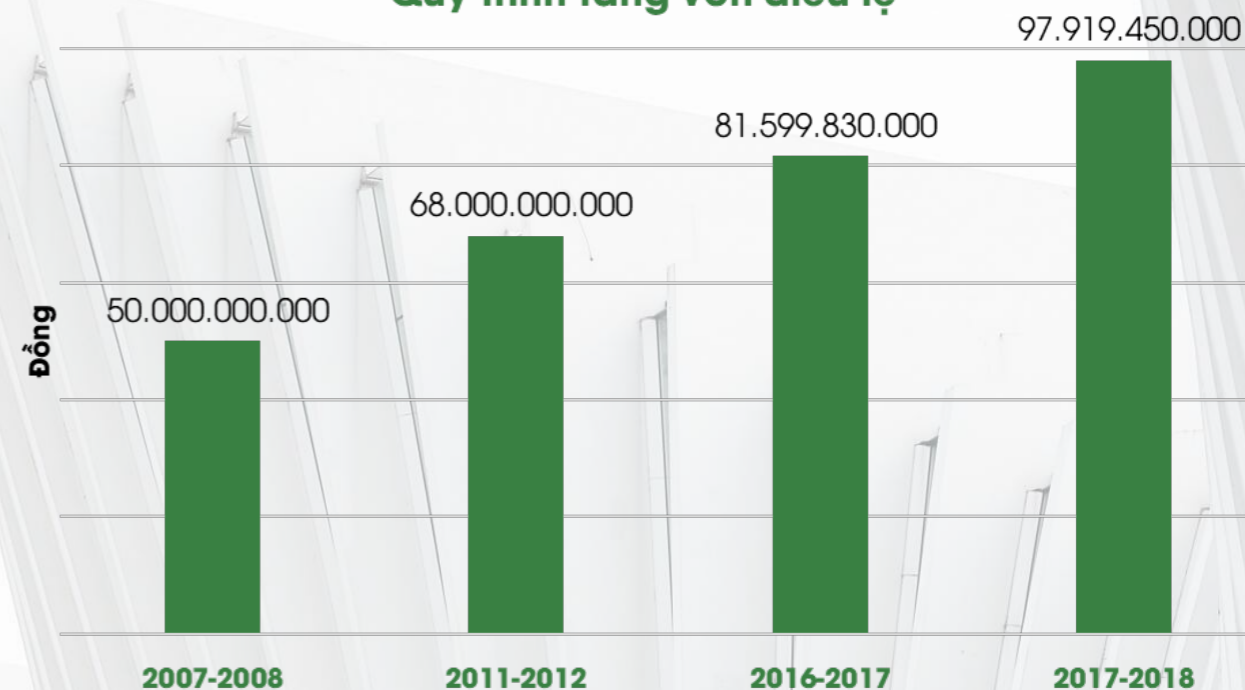
Cơ cấu theo quy mô



■ Cổ đông cá nhân ■ Cổ đông tổ chức

Quá trình tăng vốn điều lệ

Quy trình tăng vốn điều lệ



Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát & Tổng giám đốc

STT	Chức vụ	Mức thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	15.000.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	12.000.000
3	Thành viên HĐQT	8.000.000
4	Trưởng BKS	8.000.000
5	Thành viên BKS	4.000.000
6	Thư ký Công ty	4.000.000

Báo cáo của ban kiểm soát về tình hình quản trị - sản xuất kinh doanh

1. Nhân sự và hoạt động của BKS

Ban kiểm soát có 3 thành viên. Ban kiểm soát họp 3 kỳ trong năm đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin giữa các thành viên để triển khai thực hiện các nội dung công việc theo trách nhiệm và bảng phân công thẩm quyền của Ban kiểm soát

2. Hoạt động kiểm tra, giám sát của BKS

Kết thúc năm tài chính (từ ngày 01/07/2020 đến ngày 30/06/2021), Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Luật doanh nghiệp, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty
- Kiểm tra, soát xét việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị
- Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị
- Rà soát, kiểm tra, đánh giá các quy trình, chính sách trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện sai sót hoặc rủi ro tiềm ẩn, cảnh báo sớm và kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc các giải pháp khắc phục

- Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban điều hành đóng góp ý kiến trong công tác quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ, theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty
- Kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán, thẩm định tổ chức kiểm tra định kỳ báo cáo tài chính, quý năm của Công ty; xem xét báo cáo của kiểm toán độc lập trước và sau quá trình kiểm toán. Ngoài ra ban kiểm soát cũng thường xuyên trao đổi nội bộ để cập nhật thông tin và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động
- Giám sát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng của Công ty
- Đến thời điểm báo cáo 30/06/2021, ban kiểm soát không nhận bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty

3. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, họp đột xuất để triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như thông qua nhiều nghị quyết, quyết định quan trọng ngoài ra còn ban hành các loại văn bản khác để chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Công ty bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản, chỉ đạo toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, như chỉ đạo thực hiện dự án đầu tư nâng cấp thiết bị; đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định đáp ứng mía đủ công suất hoạt động cho nhà máy theo từng giai đoạn, tiêu thụ sản phẩm đường và các phụ phẩm
- Hội đồng quản trị đã tích cực chỉ đạo, sâu sát trong việc quản lý và giám sát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công

ty, các thành viên Hội đồng quản trị đã chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao. Trong công tác quản trị doanh nghiệp Hội đồng quản trị luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch và nhất quán từ việc định hướng chiến lược đến việc chỉ đạo và kiểm tra cụ thể mọi hoạt động của Công ty

- Ban kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị trong công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và thực hiện các giao dịch với người có liên quan đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ Công ty

4. Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác điều hành của ban tổng giám đốc công ty

4.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu của năm tài chính với các chỉ tiêu như sau

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	TH 2021	Tỷ lệ hoàn thành KH
Tổng DT, TNTC & TN khác	Tr.đ	816.365	815.631	99,41%
Tổng chi phí	Tr.đ	790.350	621.822	82,47%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đ	26.015	163.809	629,67%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đ	26.015	163.809	629,67%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	2.675	16.729	527,38%

- Kết quả doanh thu thực hiện từ 01/07/2020 đến 30/06/2021 đạt 99,91% so với kế hoạch do tình hình tiêu thụ đường có thời gian chậm lại. Tuy giá bán có tăng nhưng các khách hàng cũng chỉ ký hợp đồng, còn sản lượng và giá cả lấy theo nhu cầu thực tế từng thời điểm mặc dù Công ty đã mở rộng thị trường bán buôn trong nước, ổn định các khách hàng truyền thống và tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ đến các khách hàng thương mại và sản xuất công nghiệp
- Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch 629,67%, nguyên nhân chủ yếu là do giá cả đường trong năm có tăng, Ban điều hành đã

- rà soát giá cả đầu vào vật tư cho BDSCL,DA cho đến vật tư hóa chất cho sản xuất, tiết giảm các chi phí sản xuất chung cũng như các chi phí khác trong kỳ
- Việc phân phối lợi nhuận và chi cổ tức năm 2020 theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 26/09/2020, chi trả 70% vốn điều lệ là 68.543.615.000 đồng trích lập các quỹ 11,2 tỷ. Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối là 297.568.811.235 đồng.
- Tỷ lệ chia cổ tức tối thiểu bằng 20% vốn điều lệ theo nghị quyết năm 2020 hoặc tỷ lệ khác do Đại hội đồng cổ đông này quyết định

4.2 Công tác điều hành của ban tổng giám đốc

- Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã bám sát và triển khai thực hiện các chủ trương, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, tập trung điều hành sản xuất linh hoạt kịp thời, chủ động rà soát tập trung nguồn lực, chủ động đối phó với các khó khăn của ngành mía đường. Ban điều hành thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định, quy chế Công ty và chủ trương định hướng của Hội đồng quản trị, Công bố thông tin được đảm bảo đúng quy định
- Niên vụ 2020 - 2021, tuy sản xuất chế biến đường cả nước có khó khăn do thiếu nguyên liệu mía nhưng Công ty cũng đã sản xuất hoàn thành kế hoạch được giao đúng thời gian thu hoạch đáp ứng được mong muốn người nông dân đảm bảo mía đúng thời gian cho vụ sau.
- Đạt được thành quả trên là do Ban điều hành và Ban Quản lý dự án đã tích cực giám sát, đôn đốc các đơn vị thực hiện tốt công tác sửa chữa lớn và nâng cấp thiết bị nên trong quá trình sản xuất máy móc thiết bị luôn ổn định và đạt yêu cầu.
- Sản lượng đường sản xuất trong năm không tăng so với năm trước, Hiệu suất an toàn thiết bị (97,05%); hiệu suất sản xuất (84,9%) và hiệu suất an toàn đạt lao động tốt (100%); tỷ lệ thu hồi mía trên đường đạt (7,87 mía/đường). Việc thực hiện các định mục vật tư hóa chất xí nghiệp đường đang từng bước điều chỉnh phù hợp với chất lượng theo yêu cầu của Công ty
- Công tác nguyên liệu: Thực hiện vụ 2020 - 2021 so với vụ 2019 - 2020 về diện tích giảm 10% so với năm trước, tuy nhiên năng suất bình quân mía tăng 6% do vậy sản lượng thu hoạch không giảm, thu hồi nợ trong năm đạt 99,62% một số công nợ sẽ thu

bằng tiền mặt hoặc chuyển sang vụ sau. Tình hình nguyên liệu mía ngày càng khó khăn do diện tích đất bằng màu mỡ giảm trong khi diện tích đất phát triển mới tăng là đất đồi dốc, manh mún; giao thông khó khăn; trình độ kỹ thuật chuyên canh mía của nông dân mới còn nhiều hạn chế.

- Công tác vận chuyển mía: chủ động trực tiếp thuê phương tiện vận chuyển đạt yêu cầu và mang nhiều hiệu quả khác như việc vận chuyển gắn chặt với kế hoạch thu hoạch, mía được vận chuyển trong ngày không còn tình trạng mía chờ xe. Cước vận chuyển mía tăng do các vùng thuận lợi gần diện tích giảm lớn, diện tích phát triển tập trung ở vùng cao, xa công ty. Thương lái tăng cường thu mua mía vận chuyển đi Trung Quốc hoặc bán cho các lò thủ công nên kế hoạch đôn đốc trong vụ mất cân đối. Đến cuối vụ, một số địa bàn bị thiếu nhân công đôn đốc, giá thu hoạch tăng cao.

Ngoài ra Công ty vẫn duy trì tốt chính sách hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu như: Sửa chữa đường giao thông, chi phí chuyển đổi cây trồng; đào hố, đào rãnh, hỗ trợ kinh phí cho hoạt động tại địa phương (bản, xã, nông trường), hỗ trợ giống mía chín sớm, có năng suất cao, từng bước thực hiện cơ giới hóa, trong khâu trồng và chăm sóc mía, bước đầu mang lại hiệu quả tốt.

Dự kiến cho vụ 2021-2022 diện tích và sản lượng mía tăng, do Công ty tiếp tục tăng cường hỗ trợ và có thông báo giá mua mía ổn định để kích thích nông dân trồng mía và cạnh tranh với các cây trồng khác.

- Việc tiêu thụ sản phẩm đường, mật theo đúng số lượng và giá cả đã được Hội đồng quản trị phê duyệt. Giá đường trong vụ có tăng, việc đầu tư thiết bị để nâng cao công suất và chất lượng đường vì vậy sản phẩm đường của công ty đã chiếm

được vị thế trên thị trường đường trong nước. Sản phẩm đường của Công ty đã đạt chuẩn ISO và vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

- Phương án khoán đối với hoạt động của XNNS tiếp tục duy trì tạo sự chủ động cho các đơn vị và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Công tác tổ chức lao động: Việc tăng năng suất lao động được Hội đồng quản trị và Ban giám đốc rất xem trọng, việc trả lương trong Công ty theo phương án khoán luôn kích thích người lao động tăng năng suất, tiền lương bình quân trong năm tuy không tăng so với năm trước nhưng cũng khuyến khích người lao động luôn có trách nhiệm và gắn bó với Công ty. Ngoài ra Công ty cũng quan tâm đến người lao động như tặng quà vào các dịp

lễ tết và công đoàn rất quan tâm về đời sống tinh thần trong việc thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ và tặng quà cho người lao động. Tiền lương được Công ty thanh toán đầy đủ và kịp thời. Các chế độ khác như: bảo hiểm, phụ cấp độc hại, tiền thêm giờ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo các khoản phải nộp thuộc nghĩa vụ của người lao động như BHXH, BHYT, BHTN, ĐPCĐ.

- Công tác an ninh trật tự đảm bảo thực hiện nghiêm các nội quy, quy chế của Công ty. Công tác phòng chống cháy nổ kiểm tra và trang bị đầy đủ, được thực hiện tốt. Vệ sinh công nghiệp tuân thủ nghiêm ngặt, sạch sẽ và thông thoáng. Công tác bảo vệ xử lý môi trường, quản lý hệ thống nước thải rất nhạy, thu gom phân loại rác thải tốt.

4.3 Một số tồn tại, hạn chế:

- Bộ máy nhân sự mặc dù đã được quan tâm về tuyển dụng và đào tạo song vẫn còn nhiều hạn chế chủ yếu về nhân sự của xí nghiệp chế biến đường.
- Vùng nguyên liệu của Công ty quá nhiều hộ nhỏ lẻ, đất đồi núi nên việc quản lý khá phức tạp, việc bổ sung giống mía mới có năng suất và chất lượng chưa được thay thế. Vấn đề đưa cơ khí hóa vào đồng ruộng cực kỳ khó khăn.

5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, ban điều hành

- Ban kiểm soát luôn nhận được sự ủng hộ và giám sát chặt chẽ của các cổ đông, sự phối hợp cộng tác tích cực của HĐQT và BĐH theo đúng chức năng nhiệm vụ và phù hợp với điều lệ Công ty, pháp luật hiện hành để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Cổ đông và Công ty.
- Các Nghị quyết, Quyết định và các chủ trương của Hội đồng quản trị, ban điều hành đã được cung cấp kịp thời cho ban kiểm soát. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời ban kiểm soát tham gia và đóng góp ý kiến độc lập trong công tác quản trị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi để ban kiểm soát tiếp cận với hoạt động của Công ty. Phần lớn các đề xuất, kiến nghị của ban kiểm soát được Hội đồng quản trị và Ban điều hành ghi nhận và tiếp thu.

6. Kế hoạch hoạt động năm 2021-2022

Niên độ 2021 - 2022, Ban kiểm soát duy trì công tác kiểm soát thường xuyên và định kỳ hàng quý, năm theo quy định của điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của ban kiểm soát với mục tiêu chung là giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty giám sát các hoạt động quản trị và điều hành; phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và cổ đông

Nhiệm vụ cụ thể

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ, các nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư nguyên liệu mía và giá thành sản phẩm.
- Kiểm tra việc mua nguyên liệu và bán sản phẩm
- Thẩm định báo cáo tài chính quý và năm
- Các công tác khác theo chức năng và nhiệm vụ ban kiểm soát

7. Kiến nghị của ban kiểm soát

1

Công tác nguyên liệu: đề nghị Hội đồng quản trị, ban điều hành tiếp tục có chính sách thu mua và đầu tư phù hợp và hỗ trợ ngoài việc tăng diện tích nên chú ý việc thâm canh, giống mía mới, phân bón phù hợp và cơ khí hóa để nâng cao năng suất, chất lượng mía, tăng thu nhập cho bà con và góp phần giảm giá thành sản phẩm mía cây.

2

Phát triển nhiều kênh phân phối nhằm giữ vững và gia tăng thị phần tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh công tác tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay vốn, giảm chi phí sản xuất kinh doanh. Trong thời gian tiếp theo, với những khó khăn, thách thức đã và đang đặt ra trước mắt, Hội đồng quản trị, ban điều hành phải xác định nhiệm vụ phía trước sẽ rất nặng nề để có những bước chuẩn bị và tiên lượng tình hình thực tế.

3

Tiếp tục phát huy tối đa kinh nghiệm và tập trung nguồn lực hiện có để đẩy mạnh phát triển lĩnh vực kinh doanh chế biến đường.

4

Bộ máy nhân sự tuy đã được củng cố nhưng chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, lao động chưa đáp ứng được yêu cầu vẫn còn khá lớn. Do vậy cần tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp lao động, tuyển dụng và đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề trong mọi lĩnh vực nhất là nhân sự cho nhà máy đường, bố trí đúng người, đúng việc để tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Công bố thông tin niên vụ 2020 - 2021

Công ty cổ phần Mía đường Sơn La đã chính thức trở thành công ty đại chúng và niêm yết trên sàn chứng khoán từ năm 2012. Ban lãnh đạo Công ty ý thức rất rõ những trách nhiệm mà một Công ty đại chúng cần phải thực hiện, đặc biệt là trách nhiệm liên quan đến công khai, minh bạch thông tin Công ty

Công ty cũng giao nhiệm vụ cho các cán bộ có năng lực, trách nhiệm phụ trách việc công bố thông tin cho Công ty cũng như hợp tác với các đơn vị tư vấn để hoạt động công bố thông tin nói riêng và quan hệ nhà đầu tư nói chung của Công ty được triển khai một cách chuyên nghiệp, đạt hiệu quả cao nhất. Công ty cam kết luôn thực hiện đầy đủ pháp luật về quản trị công ty đại chúng, pháp luật về chứng khoán cũng như công bố thông tin được quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Thông tư 96/2020/TT-BTC, v.v..

Công ty luôn công bố đầy đủ và đúng thời hạn các công bố định kỳ như: Báo cáo tài chính hàng quý, Báo cáo tài chính bán niên soát xét, Báo cáo tài chính năm kiểm toán, Báo cáo thường niên 2020, CBTT về tổ chức Đại hội đồng cổ đông, và các công bố bất thường khác.

CBTT Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính quý I, II, III, IV
- Báo cáo tài chính bán niên 2020 - 2021
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính bán niên
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế tại BCTC đã kiểm toán của năm 2020 - 2021
- BCTC năm 2020 - 2021 đã kiểm toán

CBTT Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Tài liệu họp ĐHCĐ 2020, ĐHCĐ 2021 (30/08/2021)
- Biên bản, nghị quyết ĐHCĐ 2020

CBTT Báo cáo thường niên

- Báo cáo thường niên 2020

CBTT Khác

- Các nghị quyết của HĐQT
- Các quyết định bổ nhiệm
- Báo cáo tình hình quản trị công ty

Phần III: Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng quan ngành mía đường **50**

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư **52**

Tình hình tài chính **54**



Tổng quan kinh tế, ngành mía đường

Nửa cuối năm 2020 và nửa đầu 2021, tình hình kinh tế thế giới có nhiều những biến động trái chiều và vẫn đang trong tình trạng bất ổn trước những nỗ lực để vượt qua đại dịch. Biến thể mới của vi-rút và những khó khăn trong công tác tiêm chủng và hiệu quả của chính các loại vắc-xin hiện tại cũng là những nguyên nhân chính khiến các dự báo triển vọng cho năm 2021 rất khó có thể xảy ra. Một số khu vực, quốc gia phát triển như EU và Mỹ đã lên kế hoạch mở cửa trở lại nền kinh tế nhưng vẫn phải tiếp tục duy trì các gói cứu trợ do số ca nhiễm vẫn tăng cao và ảnh hưởng về cung cầu hàng hóa từ các khu vực có tỉ lệ tiêm thấp hơn. Việt Nam trong nửa cuối năm 2020 có thể đánh giá là tương đối thành công về hiệu quả phòng chống dịch đi đôi với giữ vững tình hình sản xuất kinh tế. Tuy nhiên, sự bùng phát biến chủng mới đã khiến tình hình sản xuất kinh doanh, nhất là ở khu vực kinh tế phía Nam gặp gián đoạn nghiêm trọng, ảnh hưởng đến khả năng cung ứng hàng hóa nội địa và xuất khẩu, cũng như làm giảm nhu cầu tiêu thụ hàng hóa dịch vụ, nhất là trong các dịp lễ lớn. Đây sẽ là tiền đề khiến cho việc các doanh nghiệp trong nhiều ngành sản xuất, dịch vụ khó để hoàn thành kế hoạch năm. Trong kịch bản tích cực nhất khi đến cuối năm 2021, tỉ lệ tiêm phòng ở Việt Nam và trên thế giới đạt mức an toàn nhất định, tình hình kinh tế, sản xuất, giao thương toàn cầu khó có thể ngay lập tức phục hồi trong nửa đầu năm 2022, ít nhất là những tổn thất trong đợt bùng phát dịch mới này.



Thị trường đường trên toàn thế giới trong niên vụ 2020 - 2021 đã ghi nhận những sụt giảm nhất định từ cả nguồn cung và lượng tiêu thụ, chủ yếu đến từ hai cường quốc sản xuất đường là Brazil và Ấn Độ đã gặp phải những ảnh hưởng nghiêm trọng từ dịch Covid-19. Trong quãng thời gian này, giá đường thô trên thế giới vẫn tiếp tục xu hướng tăng ở mức 458,95 USD/tấn vào thời điểm tháng 5 (theo ISO). Giai đoạn 2021 - 2022, Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO) dự báo sản lượng sản xuất đường sẽ vẫn giảm nhẹ do sự sụt giảm sản lượng từ Brazil, EU, Nga, Thái Lan trong khi xu hướng phục hồi tiêu dùng tại các quốc gia phát triển sẽ giúp sản lượng tiêu thụ tăng nhẹ.



Đối với thị trường trong nước, Hiệp hội mía đường Việt Nam (VSSA) báo cáo ngành đường Việt Nam đã kết thúc vụ ép 2020-2021 ngay trong tháng 5, đạt 6,7 triệu tấn mía ép, sản xuất ra 689.930 tấn đường. Tình hình tiêu thụ đường trong nước giảm mạnh do ảnh hưởng dịch bệnh và nhất là sẽ cản trở kế hoạch sản xuất hàng hóa dịch vụ cho các dịp nghỉ lễ lớn, nay đã khó thể diễn ra do các quy định cách ly xã hội. Bên cạnh đó, ngành đường trong nước còn chịu sức ép cạnh tranh lớn về giá đến từ đường nhập khẩu và nhập lậu. Giá đường nhập khẩu và nhập lậu vẫn rẻ hơn tương đối so với giá đường nội địa, trong khi đó nếu so về giá nội địa, đường Việt Nam vẫn nằm ở nhóm

thấp trong khu vực Đông Nam Á. Đứng trước diễn biến này, Bộ Công Thương cũng đã áp dụng các biện pháp chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với đường nhập từ Thái Lan bắt đầu từ ngày 16/06. Đây sẽ là cơ sở để các doanh nghiệp đường trong nước, trong đó có Mía đường Sơn La, cạnh tranh với đường nhập khẩu và nhập lậu, trong bối cảnh chúng tôi hi vọng thị trường tiêu thụ và sản xuất cuối năm sẽ hoạt động bình thường trở lại sau khi dịch bệnh được kiểm soát.

Đứng trước những khó khăn và thách thức rất lớn trong giai đoạn bản lề này, Hội đồng quản trị Công ty đã có kế hoạch, xác định nhiệm vụ cụ thể trước mắt và các nhiệm vụ dài hạn của từng đơn vị trong Công ty. Trong dài hạn, Mía

đường Sơn La vẫn sẽ đi theo tiêu chí phát triển bền vững, hội nhập với xu thế công nghệ và tiếp tục trở thành thương hiệu uy tín trên thị trường. Trong ngắn hạn, Công ty sẽ tiếp tục khảo nghiệm để lựa chọn nâng cao chất lượng giống mía, trồng mía hồ trên địa hình đồi dốc, trồng mía thu; đầu tư nâng cấp dây chuyền chế biến đường để nâng công suất chế biến nhằm thu hoạch mía đúng vụ tăng hiệu quả thu hồi mía/đường; đầu tư thiết bị nâng cao chất lượng đường thành phẩm để tăng tính cạnh tranh về số lượng tiêu thụ và giá bán trên thị trường. Ban lãnh đạo cũng sẽ cân nhắc cẩn trọng những khó khăn của thị trường, thời tiết trong giai đoạn tới để đưa ra những kế hoạch sản xuất, hoạt động phù hợp; đảm bảo sự bền vững cho Công ty.



Các hộ nông dân thu hoạch mía tại Sơn La

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư

1. Kết quả sản xuất

Tổng sản lượng mía: 522,548 tấn

Tỷ lệ thu hồi vốn đầu tư: 99,7%

Tổng sản lượng đường sản xuất đạt 98,48% kế hoạch

Sản lượng đường có độ màu dưới 70 IU đạt 90,14% tăng so với chỉ tiêu được kế hoạch giao (80%). Sản lượng đường có độ màu trên 70 IU là 9,86% giảm so với chỉ tiêu kế hoạch giao (20%).

2. Kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Thực hiện niên vụ 2019 - 2020	Niên vụ 2020 -2021		
		Kế hoạch	Thực hiện	So sánh
Tổng doanh thu	1.065.747.816.602	816.365.000.000	815.630.702.775	99,91%
Tổng chi phí	946.430.932.059	790.350.000.000	651.821.607.973	82,47%
Lợi nhuận trước thuế	119.316.884.543	26.015.000.000	163.809.094.802	629,67%
Lợi nhuận sau thuế	119.316.884.543	26.015.000.000	163.809.094.802	629,67%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.705	2.657	16.729	

Trong niên vụ 2020 – 2021, Tổng doanh thu Công ty đạt 815,63 tỷ đồng, tương đương đạt 99,81% kế hoạch và giảm 23,47% so với cùng kỳ vụ 2019 – 2020. Tổng doanh thu của Công ty phần lớn là doanh thu đến từ việc bán sản phẩm đường và mật rỉ, đã cơ bản hoàn thành sát mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra. Việc doanh thu trong kỳ cũng thấp hơn cùng kỳ là do thị trường tiêu thụ bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh và trong kỳ Công ty đã thu hoạch được lượng mía thấp hơn dự kiến. Tổng chi phí trong kỳ cũng đạt 651,82 tỷ đồng, tương ứng với 82,47% kế hoạch, giảm 31,13% so với cùng kỳ. Việc chi phí thực hiện giảm chủ yếu đến từ việc Công ty sản xuất ít đường

hơn và qua đó giảm giá vốn hàng bán cũng như các chi phí khác. Tuy nhiên, do tốc độ giảm chi phí cao hơn tốc độ giảm doanh thu nên Công ty cũng đa thu được kết quả lợi nhuận rất khả quan là 163,81 tỷ đồng, vượt xa kế hoạch và tăng đến 37,29% so với cùng kỳ. Các kết quả khả quan về cắt giảm chi phí và duy trì lợi nhuận tốt cũng giúp lãi cơ bản trên một cổ phiếu SLS đạt 16.729 đồng, tăng 37,29% so với cùng kỳ. Nhìn chung, Công ty đã thực hiện xuất sắc kế hoạch đặt ra từ đầu niên vụ, nhất là đối với khía cạnh tối thiểu và tối ưu hóa chi phí. Từ kết quả này, Công ty sẽ có những điều chỉnh phù hợp hơn về kế hoạch kinh doanh trong tình hình niên vụ sắp tới.

	2017	2018	2019	2020	2021
TỔNG DOANH THU	548,27	622,55	890,18	1.065,74	815,64
Doanh thu thuần	537,31	600,73	877,64	1.048,34	801,14
Doanh thu hoạt động tài chính	7,52	17,22	10	16,67	14,07
Doanh thu khác	3,44	4,6	2,54	0,73	0,43
TỔNG CHI PHÍ	384,618	506,603	826,933	946,427	651,825
Giá vốn hàng bán	340,729	443,204	759,056	878,506	600,481
Chi phí tài chính	15,808	36,296	48,284	44,996	33,417
Chi phí bán hàng	2,602	4,228	4,634	4,721	3,403
Chi phí quản lý	21,909	19,885	14,629	17,864	14,034
Chi phí khác	3,57	2,99	0,33	0,34	0,49
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	163,649	115,934	63,237	119,317	163,809
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	163,782	114,336	61,035	118,932	163,87
Lợi nhuận khác	-0,13	1,61	2,21	0,39	-0,06
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	163,074	115,934	63,237	119,317	163,809

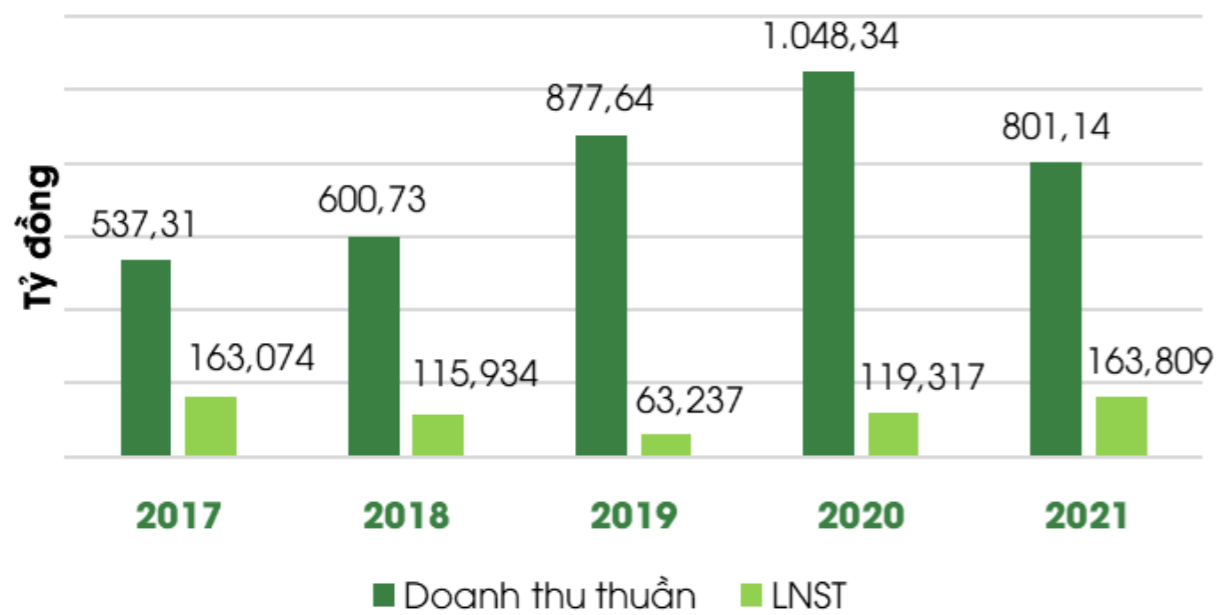
Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021
ROS	30,35	19,3	7,21	11,38	20,45
ROE	47,3	25,8	12,88	22,19	26,68
ROA	24,68	9,99	4,67	9,82	14,12
EPS (đồng/cổ phiếu)	19.985	12.419	6.458	11.705	16.729

Doanh thu thuần trong kỳ của Công ty đạt 801,14 tỷ đồng, giảm 23,58% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, chất lượng doanh thu đã được cải thiện đáng kể, giúp cho biên lợi nhuận gộp cũng tăng lên 56% yoy (từ 16% lên 25%), cao nhất trong vòng 3 năm qua. Giá vốn hàng bán đạt 600,481 tỷ đồng, giảm đến 31,65% so với cùng kỳ, cao hơn tốc độ giảm doanh thu. Giá vốn hàng bán vẫn là khoản chi phí chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu. Các khoản mục chi phí còn lại đều được giữ ổn định so với các năm. Tuy nhiên do giá vốn hàng bán được tối thiểu hóa nên đã giúp lợi nhuận của Công ty được tối ưu hóa. Điều này là lý do chính giúp Công ty đạt được kết quả rất tích cực

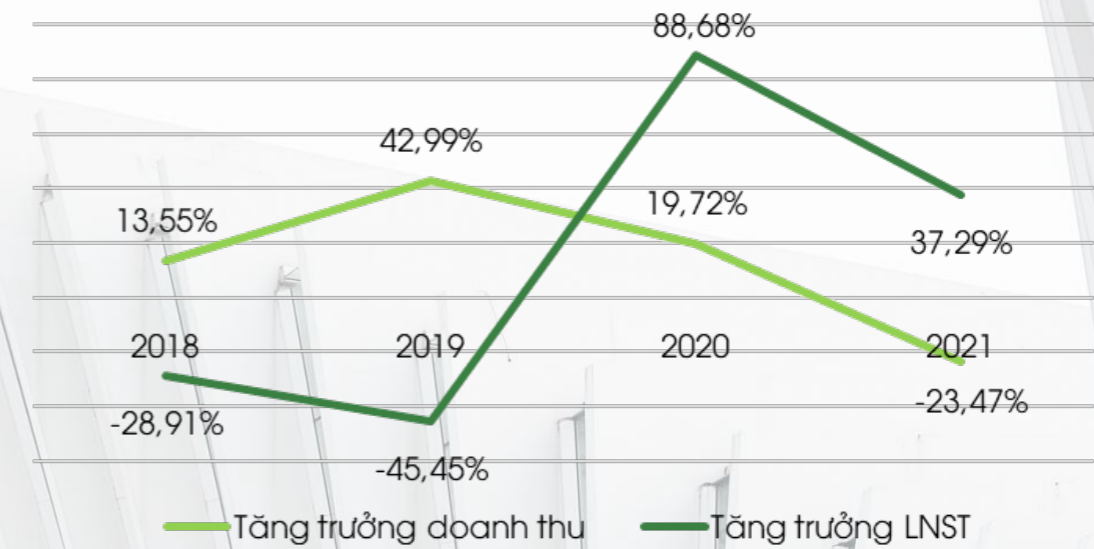
về lợi nhuận trong bối cảnh thị trường đường đang gặp nhiều khó khăn.

Niên vụ 2020 – 2021, lợi nhuận chiếm đến 20% doanh thu, một con số ấn tượng đối với Công ty. Lợi nhuận trước thuế đạt 163,809 tỷ đồng, tăng đến 37,29% yoy. Công ty cũng có lợi thế vì được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp do hoạt động trên địa bàn kinh tế khó khăn, giúp Công ty tiếp tục gia tăng đáng kể phần lợi nhuận. Điều này góp phần khiến các chỉ số hoạt động của Công ty, từ hệ số lợi nhuận trên tổng doanh thu, hệ số lợi nhuận trên tài sản bình quân, hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân cải thiện đáng kể, tiến gần đến mức đỉnh trong giai đoạn 2017.

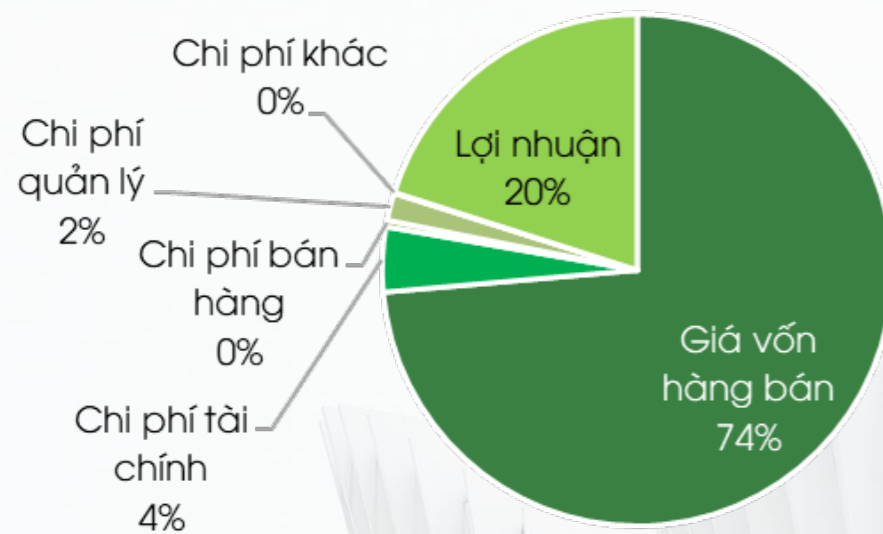
Doanh thu thuần & LNST



Tốc độ tăng trưởng



Cơ cấu doanh thu 2021



Tình hình tài chính

Tăng trưởng

Đây là giai đoạn khó khăn của ngành sản xuất đường nói chung và của Công ty nói riêng với những áp lực từ dịch bệnh, cạnh tranh và những cản trở từ điều kiện sản xuất vùng. Điểm sáng trong tăng trưởng tuy doanh thu đang có dấu hiệu suy giảm nhưng lợi nhuận vẫn giữ được ở mức ổn định, khả quan so với thị trường chung. Ban lãnh đạo Công ty đang có những kế hoạch để tiếp tục duy trì sự ổn định này trong giai đoạn sắp tới, làm tiền đề để đưa Công ty trở thành doanh nghiệp tăng trưởng bền vững trong ngành.

Dòng tiền

Niên vụ 2020 – 2021, Công ty đã gặp những khó khăn nhất định trong việc cân đối nguồn vốn lưu động do nhu cầu tiêu thụ trong nước gặp gián đoạn bởi dịch bệnh. Tuy nhiên, Công ty vẫn giữ được nguồn tiền mặt ổn định từ việc giảm ngân sách cho đầu tư cũng như giảm bớt các khoản trả nợ để cân đối lại lượng tiền thiếu hụt do giảm doanh thu. Trong giai đoạn tiếp theo, Công ty sẽ tiếp tục giữ vững quan điểm thận trọng trong việc cân đối và quản trị rủi ro dòng tiền để đảm bảo sức khỏe tài chính bền vững cho Công ty.

Chỉ tiêu	2020	2021	So sánh
Tiền và tương đương tiền đầu kì	3.687.307.032	4.674.467.769	26,77%
Lưu chuyển tiền thuần trong niên vụ	987.160.737	(185.381.239)	-118,78%
❖ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	163.917.138.008	102.422.414.651	-37,52%
❖ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	(18.304.505.088)	(10.340.902.370)	-43,51%
❖ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	(144.625.472.183)	(92.266.893.520)	-36,20%
Tiền và tương đương tiền cuối kì	4.674.467.769	4.849.086.530	3,74%

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Niên vụ 2020 - 2021 đã cho thấy những kết quả rất khả quan trong việc tối ưu hóa khả năng sinh lời của Công ty khi các chỉ số về khả năng sinh lời đạt mức cao nhất trong vòng 4 niên vụ trở lại đây, ngay cả trước sức ép từ thị trường. Khả năng sinh lời của Công ty đạt được chủ yếu vẫn đến từ mảng kinh doanh sản phẩm chủ lực đường trắng và mật rỉ khi chiếm đến 90,91% doanh thu thuần. Việc tiết kiệm được chi phí sản xuất, giảm giá vốn đầu vào đã góp phần khiến cho nguồn thu này trong năm nay trở nên hiệu quả hơn so với các năm trước và giúp cho hiệu suất sinh lời của Công ty được cải thiện.

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021
Biên lợi nhuận gộp	36,59%	26,22%	13,51%	16,2%	25,05%
Biên lợi nhuận ròng	30,35%	19,3%	7,21%	11,38%	20,45%
Tỉ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân	47,3%	25,8%	12,88%	22,19%	26,68%
Tỉ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân	24,68%	9,99%	4,67%	9,82%	14,12%

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Về công tác công nợ, Công ty vẫn duy trì chính sách bán hàng ổn định của mình. Niên vụ 2020 - 2021, do những khó khăn trong thị trường tiêu thụ mà sản lượng đường bán ra giảm, cũng như tình trạng khách hàng cũng gặp khó khăn hơn trong việc thanh toán khiến cho số vòng quay khoản phải thu giảm và khiến số ngày khách trả lâu hơn, dẫn đến việc Công ty trong ngắn hạn đã bị thiếu hụt một lượng vốn lưu động so với cùng kỳ. Niên vụ tới, Công ty sẽ cố gắng cải thiện vấn đề này bằng cách thường xuyên làm việc, đốc thúc khách hàng hơn. Thêm vào đó, tình hình thị trường tiêu thụ trong năm tới nếu được cải thiện cũng sẽ giúp công tác thu hồi nợ đạt hiệu quả cao hơn.

Đối với hàng tồn kho, tuy khả năng tiêu thụ chậm nhưng do sản lượng thu hoạch giảm so với dự kiến nên Công ty không gặp phải tình trạng tồn đọng quá nhiều thành phẩm. Một trong những thế mạnh của Công ty vẫn luôn là tiết kiệm được chi phí vận chuyển thành phẩm do khách hàng lấy hàng trực tiếp tại kho bãi. Ban lãnh đạo Công ty sẽ tiếp tục duy trì thế mạnh này trong các niên vụ sắp tới.

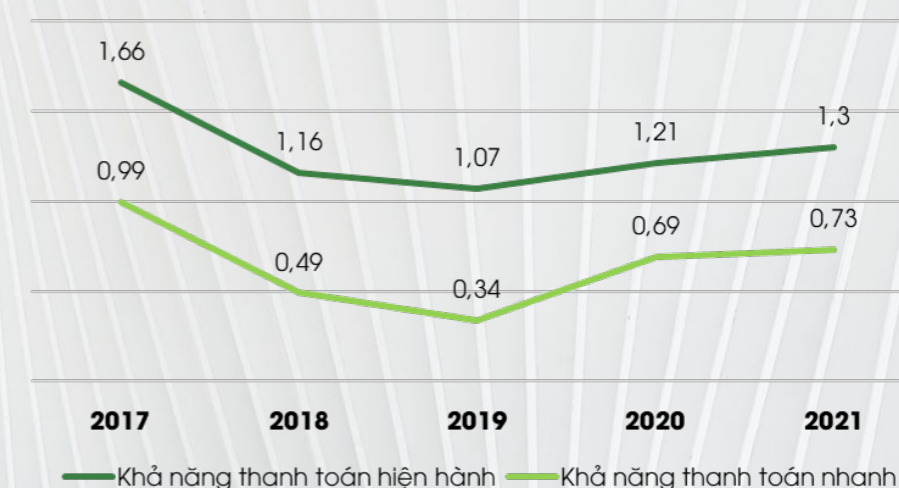
Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021
Số vòng quay phải thu khách hàng	2,40	1,99	3,41	4,71	2,86
Kỳ thu tiền bình quân	150	181	106	76	126
Số vòng quay hàng tồn kho	2,53	1,37	1,74	2,78	2,69
Số ngày tồn kho	142	264	207	130	134

Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Ban lãnh đạo đánh giá, Công ty vẫn đang ở mức khả năng thanh toán ổn định. Công ty có đủ nguồn lực để trả các khoản nợ. Niên vụ 2020 - 2021, trước sức ép từ thị trường đường nhiều bất ổn, Công ty cũng đã giảm tỉ lệ vay nợ và cơ cấu nợ nhằm đảm bảo khả năng thanh toán ổn định, giữ vững tính thanh khoản cho các hoạt động của Công ty. Với những gì đã làm được, khả năng thanh toán của Công ty đã đạt mức cao nhất trong vòng 4 niên vụ trở lại đây.

	2017	2018	2019	2020	2021
Khả năng thanh toán hiện hành	1,66	1,16	1,07	1,21	1,3
Khả năng thanh toán nhanh	0,99	0,49	0,34	0,69	0,73
Khả năng thanh toán lãi vay	11,35	4,25	2,33	3,72	5,9

Khả năng thanh toán



Cơ cấu tài sản

Chỉ tiêu	2020	Tỉ trọng	2021	Tỉ trọng	Thay đổi
TÀI SẢN NGẮN HẠN	459.177.981.607	40,72%	565.390.612.744	47,40%	23%
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.674.467.769	0,41%	4.489.086.530	0,38%	-4%
Các khoản phải thu ngắn hạn	255.960.510.573	22,70%	313.617.740.086	26,29%	23%
Hàng tồn kho	198.523.111.063	17,60%	247.275.139.328	20,73%	25%
Tài sản ngắn hạn khác	19.892.022	0,00%	8.646.800	0,00%	-57%
TÀI SẢN DÀI HẠN	668.531.495.794	59,28%	627.497.176.068	52,60%	-6%
Tài sản cố định	651.029.232.089	57,73%	607.948.061.927	50,96%	-7%
Tài sản dở dang dài hạn	3.982.980.784	0,35%	6.648.075.545	0,56%	67%
Đầu tư tài chính dài hạn	9.600.000.000	0,85%	11.600.000.000	0,97%	21%
Tài sản dài hạn khác	3.919.282.921	0,35%	1.301.038.596	0,11%	-67%
TỔNG TÀI SẢN	1.127.709.477.401	100,00%	1.192.887.788.812	100,00%	6%

Tổng tài sản trong niên vụ 2020 – 2021 của Công ty đạt giá trị 1.192,89 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ. So với tốc độ tăng trưởng kép trong giai đoạn 5 năm từ 2017 – 2021 là 5,45% thì đây là tốc độ tăng trưởng lớn hơn một chút, cho thấy Công ty đang dẫn đầu cao được tốc độ tích lũy tài sản. Cơ cấu tài sản có xu hướng tăng dần tỉ trọng tài sản dài hạn (lên trên mức 50%) và điều này đã phản ánh chiến lược đúng đắn của Ban lãnh đạo Công ty trên vị thế là một đơn vị sản xuất. Trong năm 2021, tỉ trọng tài sản ngắn hạn có phần tăng lên do Công ty thực hiện các bước quản trị rủi ro, tăng tài sản ngắn hạn để giám sát gánh nặng cho nguồn vốn trong giai đoạn khó khăn hiện tại.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, chiếm tỉ trọng lớn nhất là hàng tồn kho (20,73%)

các khoản phải thu (26,29%). Hai khoản mục này vẫn được giữ ở mức ổn định qua các năm và với cấu thành của một doanh nghiệp sản xuất đường, thì đây là tỉ trọng hợp lý. Năm nay, Công ty cũng giảm mức trích lập giảm giá hàng tồn kho do giá đường đang có xu hướng tăng. Sự tăng lên của khoản mục hàng tồn kho (+23% yoy) và các khoản phải thu ngắn hạn (+25% yoy) cũng đóng góp phần lớn tăng trưởng tài sản ngắn hạn trong năm 2021 (+23% yoy).

Trong cơ cấu tài sản dài hạn, khoản mục tài sản cố định chiếm phần lớn (50,96%) và so với cùng kỳ, chủ yếu do trong năm Công ty tạm thời hạn chế các khoản đầu tư mới. Khoản mục tài sản cố định giảm 7%, đóng góp chính vào mức giảm 6% của tài sản dài hạn.

Cơ cấu nguồn vốn

Chỉ tiêu	2020	Tỉ trọng	2021	Tỉ trọng	Thay đổi
NỢ PHẢI TRẢ	556.500.913.793	49%	536.104.594.266	45%	-4%
Nợ ngắn hạn	378.300.913.793	34%	433.704.594.266	36%	15%
Nợ dài hạn	178.200.000.000	16%	102.400.000.000	9%	-43%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	571.208.563.608	51%	656.783.194.546	55%	15%
Vốn chủ sở hữu	571.208.563.608	51%	656.783.194.546	55%	15%
TỔNG NGUỒN VỐN	1.127.709.477.401	100%	1.192.887.788.812	100%	6%

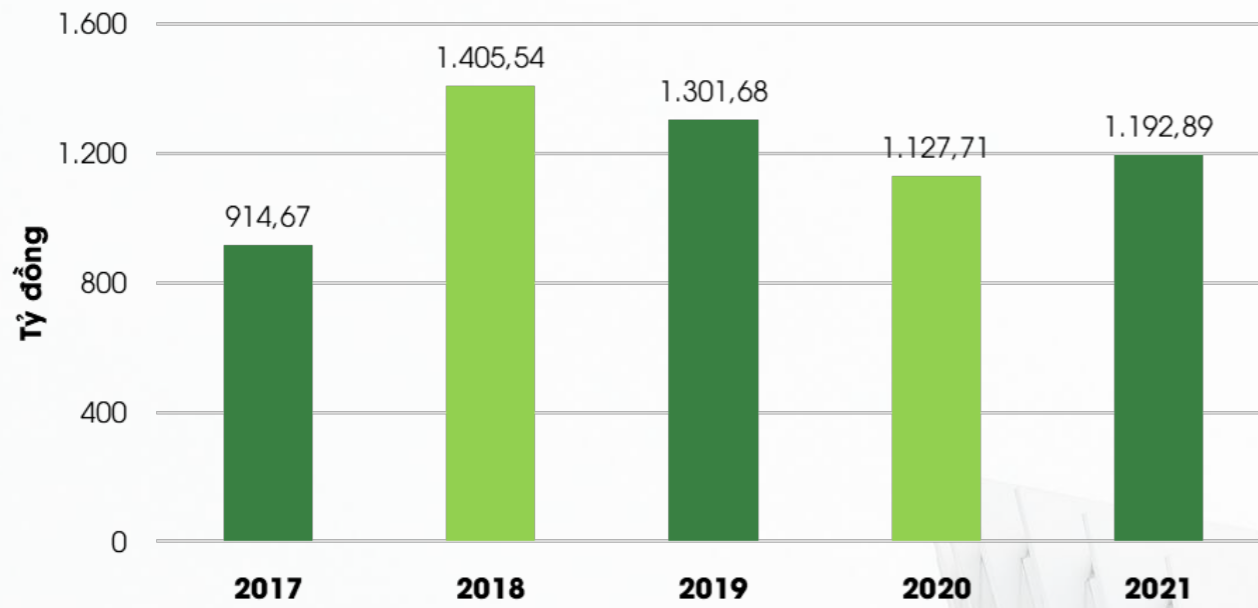
Công ty đang duy trì tỉ lệ nợ - vốn chủ ổn định, tuy nhiên trong năm 2021 Công ty chủ động tăng tỉ trọng vốn chủ sở hữu nhằm đảm bảo tính thanh khoản cũng như hạn chế bớt rủi ro từ đòn bẩy tài chính trong một giai đoạn đang tương đối khó khăn của thị trường đường trong nước. Niên vụ 2020 - 2021, tỉ trọng nợ/vốn chủ sở hữu là 0,81, tổng nguồn vốn đạt 1.192,87 tỷ đồng.

Đối với nguồn vốn nợ, Công ty chủ yếu cấp vốn từ nguồn vốn ngắn hạn, chiếm 36% tổng nguồn vốn. Trong năm 2020 - 2021, nợ ngắn hạn tăng 15% yoy trong khi nợ dài hạn giảm mạnh 43% yoy. Điều này cũng là một phần trong

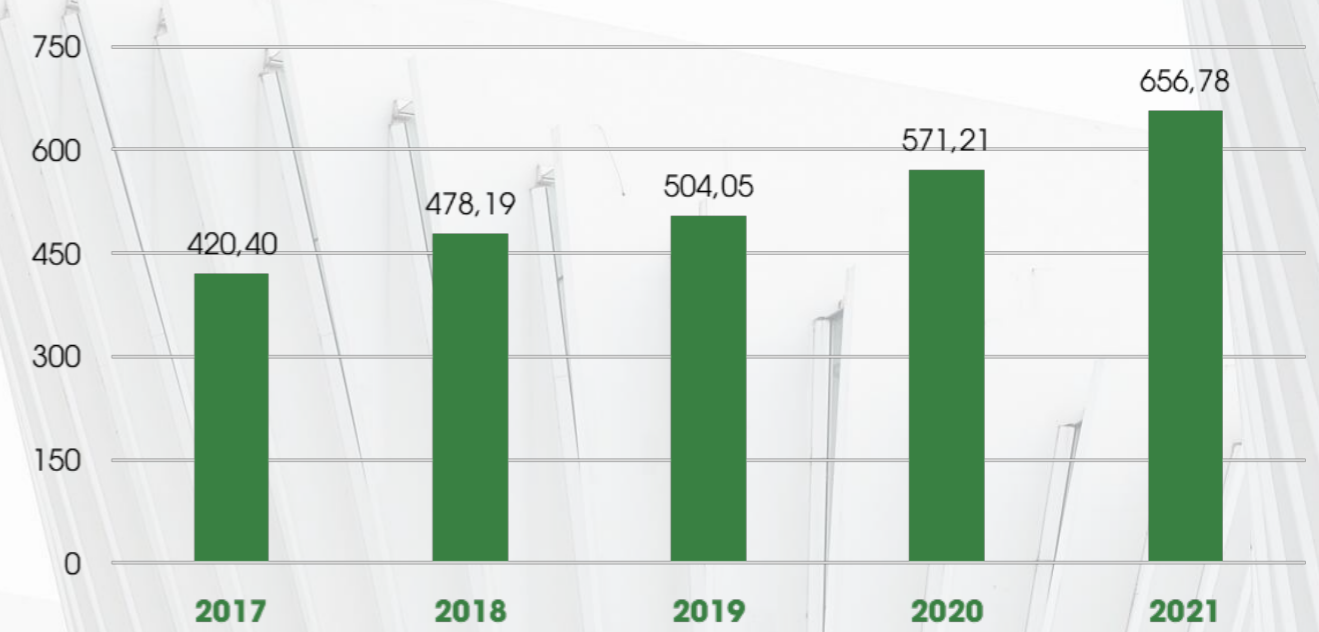
kế hoạch giảm thiểu rủi ro vay nợ khi chuyển nguồn cấp vốn chủ yếu sang ngắn hạn, cũng như do nhu cầu thiếu hụt nguồn vốn ngắn hạn của Công ty tại một số thời điểm trong năm.

Đối với nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng đều qua các năm, Công ty cũng không có nguồn kinh phí khác để tạo nên vốn chủ sở hữu. CAGR của vốn chủ sở hữu trong giai đoạn từ 2017 - 2021 đạt 9,33% hàng năm. Niên vụ 2020 - 2021, vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 656,78%, tương đương tăng 15% so với cùng kỳ và vượt trội so với CAGR 5 năm, phần lớn do mức lợi nhuận tốt trong năm.

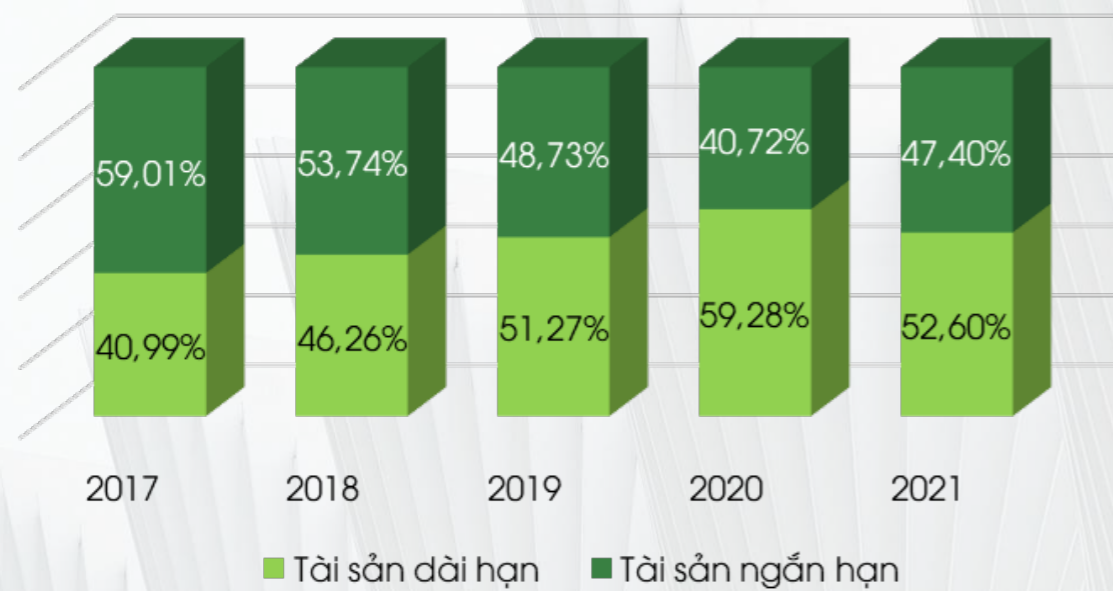
Tổng tài sản qua các năm



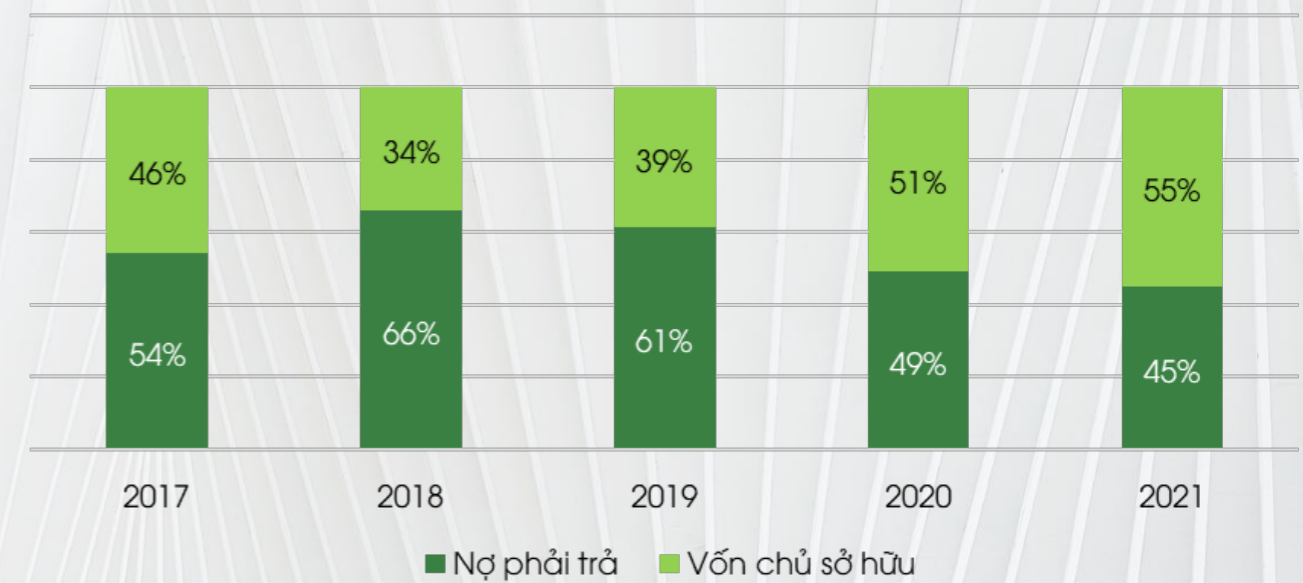
Vốn chủ sở hữu



Cơ cấu tài sản qua các năm



Cơ cấu nguồn vốn



Phần IV: Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Công tác sản xuất mía nguyên liệu **64**

Công tác sản xuất chế biến đường **65**

Công tác lao động tiền lương **66**

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh **66**

Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021 - 2022 **67**



Công tác sản xuất mía nguyên liệu

1. Kết quả sản xuất mía nguyên liệu niên vụ 2020 - 2021

Trong niên vụ 2020-2021, tổng quan về vùng nguyên liệu của Công ty thể hiện ở kết quả sau

Số hộ trồng mía: 9.700 hộ

Diện tích mía ký hợp đồng: 7.689 ha (tương đương với diện tích vụ 2019 - 2020 là 7.771 ha)

Năng suất bình quân: 67,96 tấn/ha

Tổng sản lượng mía: 522,548 tấn

Trong đó:

Sản lượng mía chế biến: 475.849 tấn

Sản lượng mía để giống: 46.654 tấn

Tỷ lệ thu hồi vốn đầu tư: 99,7%

2. Đánh giá

Nhờ có chính sách đầu tư - phát triển - thu mua nguyên liệu phù hợp nên Công ty vẫn đảm bảo ổn định nguyên liệu mía cho chế biến. Trong vụ, công tác sản xuất mía nguyên liệu có những thuận lợi, khó khăn, tồn tại cơ bản như sau.

Thuận lợi

Được sự quan tâm, tin tưởng, hợp tác, gần bó của chính quyền địa phương các cấp và người trồng mía.

- Công suất ép ổn định nên công tác thu hoạch mía thuận lợi hơn nhiều so với các vụ ép trước, cơ bản mía chặt đến đâu được vận chuyển đến đó không còn tình trạng mía tồn trên ruộng.

- Đội ngũ nhân viên địa bàn có nhiều kinh nghiệm, tận tụy với công việc, thường xuyên bám sát ruộng đồng, quản lý và đôn đốc hướng dẫn nông dân thực hiện đúng, đủ quy trình chăm sóc, thu hoạch để cây mía đạt năng suất và chất lượng cao.

Khó khăn, tồn tại

- Địa hình đồi dốc, diện tích trồng

manh mún, gây khó khăn trong việc áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến vào sản xuất. Đa số đường nội đồng có độ dốc cao, rủi ro lớn, di chuyển khó khăn nên chi phí vận chuyển bình quân cũng tăng mạnh so với các năm trước.

- Diện tích dịch chuyển tới vùng cao, xa nhà máy, điều kiện để đầu tư, thâm canh của người trồng mía còn hạn chế dẫn đến giảm năng suất và thu nhập của người trồng mía.

- Thương lái tăng cường thu mua mía vận chuyển đi Trung Quốc hoặc bán cho các lò thủ công nên kế hoạch dồn chặt trong vụ mất cân đối. Đến cuối vụ một số địa bàn bị thiếu nhân công dồn chặt, giá thu hoạch tăng cao.



Công tác sản xuất chế biến đường

1. Kết quả sản xuất đường niên vụ 2020 - 2021

Công ty đã tập trung điều hành quyết liệt thực hiện kế hoạch ép vụ 2020-2021, trong đó trọng tâm là công tác sửa chữa bảo dưỡng trước vụ, công tác điều hành sản xuất trong vụ. Tiếp tục cải tiến công tác quản lý điều hành, chỉ đạo thực hiện theo hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật tiến bộ. Tăng cường kiểm soát, hạn chế tổn thất từ đồng ruộng đến nhà máy chế biến. Triệt để tiết kiệm, giảm giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm. Một số chỉ tiêu chủ yếu của công tác sản xuất chế biến đường như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện	Kế hoạch	So sánh TH/KH
1	Hiệu suất tổng thu hồi hiệu chỉnh	%	87,26	≥ 85,8	101,70%
2	Hiệu suất an toàn thiết bị	%	97,05	≥ 98	99,03%
3	Hiệu suất an toàn lao động	%	100	100	100%
4	Tổng sản lượng đường sản xuất	Tấn	60.462,2	61.392	98,48%

2. Đánh giá

Tổng sản lượng đường sản xuất đạt 98,48% kế hoạch do lượng mía nguyên liệu đưa vào chế biến thấp hơn dự kiến gần 10.000 tấn (mía nguyên liệu được chọn lọc để chuyển sang làm mía giống do diện tích trồng mới tăng mạnh) Chất lượng sản phẩm ổn định và tiến bộ hơn các vụ trước. Sản lượng đường có độ màu dưới 70 IU đạt 90,14% tăng so với chỉ tiêu được kế hoạch giao (80%). Sản lượng đường có độ màu trên 70 IU là 9,86% giảm so với chỉ tiêu kế hoạch giao (20%). Để có được kết quả này là nhờ sự quan tâm đầu tư nâng cấp nhà máy chế biến đường đúng hướng và đúng thời điểm của Cổ đông, Hội đồng quản trị

trong những năm qua. Bên cạnh đó, Công ty đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật khá lành nghề, tâm huyết với công việc nên đã đảm bảo được an toàn thiết bị, an toàn lao động và chất lượng đường. Ngoài sản phẩm chính, việc sản xuất phân vi sinh và bùn rắc men cung cấp cho vùng nguyên liệu mía cũng được quan tâm đúng mực. Niên vụ 2020 - 2021, Công ty sản xuất 2.021 tấn phân vi sinh theo nhu cầu đăng ký của các hộ dân trong vùng nguyên liệu mía. Lượng phân bùn rắc men vụ vừa qua cũng được tiêu thụ kịp thời nên không bị tồn kho, bãi, bảo vệ được môi trường.

Công tác lao động tiền lương & chăm lo cho đời sống người lao động

Năm 2020-2021, việc làm của người lao động vẫn được giữ ổn định, các chế độ chính sách như: tiền lương, tiền thưởng, ăn ca, các chế độ phúc lợi - xã hội, tiền bảo hiểm được Công ty chi trả kịp thời đúng quy định, cụ thể:

1. Công tác lao động

Năm 2020 - 2021, Công tác nhân sự tương đối ổn định, chất lượng lao động cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công việc, ý thức trách nhiệm của người lao động được nâng cao, đặc biệt ý thức trong việc tiết kiệm vật tư, hóa chất góp phần đáng kể trong việc giảm chi phí giá thành sản phẩm.

2. Công tác tiền lương

Ban điều hành Công ty luôn xác định thu nhập của người lao động là yếu tố quan trọng hàng đầu để người lao động yên tâm gắn bó với Công ty, nên Công ty luôn quan tâm nâng cao năng lực sản xuất tạo thu nhập cho người lao động. Năm 2020-2021 tiền lương bình quân của người lao động là 7.500.000 đồng/tháng và được Công ty chi trả đầy đủ, kịp thời theo đúng

thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

Các chế độ chính sách của người lao động như tiền thưởng, ăn ca, tiền bảo hiểm được Công ty thực hiện đúng theo Thỏa ước lao động tập thể, hợp đồng lao động và quy định của pháp luật hiện hành

3. Công tác chăm lo cho đời sống người lao động

Công ty luôn quan tâm chăm lo đến đời sống tinh thần của người lao động như: tặng quà vào các dịp lễ tết, mua thẻ bảo hiểm con người tặng cho người lao động. Tổng kinh phí chi quà tặng cho người lao động năm 2020-2021 là 1,5 tỷ đồng.

Đồng hành với Công ty, Ban chấp hành công đoàn Công ty cũng luôn quan tâm, động viên người lao động như: Thăm hỏi ốm đau, hiếu, hỷ và tặng quà cho Người lao động nhân các dịp đón xuân đầu năm, Quốc tế phụ nữ, khen thưởng khuyến học. Tổng kinh phí chi trong niên vụ 2020 - 2021 gần 200 triệu đồng.

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Trong năm vừa qua Công ty đã đầu tư thiết bị để nâng cao chất lượng đường vì vậy sản phẩm đường của Công ty đã chiếm được vị thế trên thị trường trong nước. Sản phẩm đường của Công ty đã đạt chuẩn ISO và vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định, thị trường đầu ra đối với các khách hàng thương mại và khách hàng truyền thống khá ổn định, Công ty đang tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ đến các khách hàng là nhà sản xuất công nghiệp. Năm 2020-2021 Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu doanh thu và đặc biệt là hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông năm 2020 giao.

Tuy nhiên năm 2020-2021 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-10, nhiều địa phương trên cả nước thực hiện giãn cách xã hội, sản xuất và tiêu dùng bị đình trệ, giá thương buôn bán hết sức khó khăn, vì vậy có nhiều thời điểm tồn kho tăng cao, nguồn vốn kinh doanh bị thiếu hụt.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021 - 2022

Tổng doanh thu toàn công ty: **1.037.000 triệu đồng**

Tổng chi phí: **962.000 triệu đồng**

Lợi nhuận trước thuế TNDN: **75.000 triệu đồng**

Lợi nhuận sau thuế TNDN: **75.000 triệu đồng**

Từ ngày 01/01/2020, nước ta đã xóa bỏ hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đường đối với các nước ASEAN, tình trạng đường buôn lậu qua biên giới ngày càng diễn biến phức tạp, cùng với ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã khiến cho hoạt động của ngành mía đường chông chốt khó khăn, trong đó Công ty chúng ta cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Đến thời điểm này, Chính phủ, các Bộ ngành đã có những chính sách phòng vệ thương mại để đối phó với đường bán phá giá từ Thái Lan nên tình hình thị trường trong nước có những chuyển biến tích cực hơn. Tuy nhiên, ngành đường vẫn chưa hết khó khăn do nạn buôn lậu, gian lận thương mại chưa được xử lý triệt để, dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường.

Thành quả đạt được trong năm vừa qua chứng minh các chủ trương của Cổ đông, các quyết sách của Hội đồng quản trị là đúng hướng, đúng thời điểm. Ban Điều hành công ty luôn tin tưởng và kế hoạch, định hướng của Cổ đông và Hội đồng quản trị. Ban điều hành Công ty xin hứa sẽ nỗ lực cố gắng để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ sau: Góp phần phát triển

kinh tế địa phương; Bảo vệ môi trường; Hỗ trợ phát triển cộng đồng; đảm bảo chất lượng sản phẩm; Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người trồng mía và Công ty để ổn định nguồn mía nguyên liệu đáp ứng được công suất dây chuyền chế biến của Nhà máy, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương và cán bộ, công nhân, người lao động trong công ty, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông. Cụ thể là:

- Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, mở rộng thị trường tiêu thụ, duy trì mối quan hệ mật thiết, bền vững với các khách hàng truyền thống nhằm tiêu thụ hết sản phẩm, đảm bảo đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty.

- Tiếp tục phát huy tối đa kinh nghiệm và tập trung nguồn lực hiện có để đẩy mạnh phát triển lĩnh vực kinh doanh chế biến đường.

- Chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quan tâm và đầu tư thích đáng cho công tác bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải, trồng cây xanh, vệ sinh công nghiệp và chung tay phòng chống dịch bệnh Covid-19.

- Tham gia tích cực với các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn, thực hiện có hiệu quả các chương trình an sinh xã hội và khẳng định được vị thế của cây mía là cây xóa đói giảm nghèo bền vững, góp phần không nhỏ trong chương trình xây dựng nông thôn mới của địa phương trong vùng nguyên liệu mía.

Phần V: Báo cáo của Hội đồng quản trị

Đánh giá tình hình chung **70**

Đánh giá về các mặt hoạt động **70**

Các nghị quyết/quyết định trong năm **73**

Kế hoạch, định hướng 2021 - 2022 **76**



Đánh giá tình hình chung

Năm 2020 và 2021 được xem là những năm khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới trong đó có Việt Nam. Dịch Covid 19 diễn biến phức tạp làm gián đoạn hoạt động giao thương của các quốc gia trên thế giới và tác động không nhỏ đến hoạt động của nền kinh tế Việt Nam và cuộc sống của người dân. Hoạt động gian lận thương mại, nhập khẩu đường thô, đường lỏng ngày càng phức tạp và tinh vi. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng lớn đến năng suất, chất lượng nhiều vùng trồng mía nguyên liệu.

Nhận thức rõ những khó khăn phải đương đầu, Hội đồng quản trị Công ty đã có kế hoạch, xác định nhiệm vụ cụ thể trước mắt và dài hạn của từng đơn vị trong Công ty. Các nhiệm vụ, giải pháp hết sức cụ

thể và khả thi như: Xây dựng các chương trình nâng cao năng suất, chất lượng nguyên liệu mía bằng áp dụng kỹ thuật chăm sóc, phân bón; Hỗ trợ để người trồng mía cơ giới hóa công tác làm đất trên địa hình đồi dốc; đầu tư nâng cấp dây chuyền chế biến đường để nâng công suất chế biến nhằm tăng hiệu quả thu hồi mía/đường và nâng cao chất lượng mía đường thành phẩm; đầu tư cải tạo hệ thống xử lý chất thải đảm bảo các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.

Dự báo được tình hình thực tế, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, Hội đồng quản trị đã đưa ra các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của năm 2020-2021 và được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với thực tế, định hướng tốt cho Ban điều hành Công

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2020 - 2021

1. Đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và các Nghị quyết của HĐQT, Ban điều hành đã triển khai kịp thời và đem lại hiệu quả đáng khích lệ:

- Công tác nguyên liệu mía: Nhờ có chính sách phù hợp nên trong khi nhiều Công ty khác trong ngành thiếu nguyên liệu trầm trọng thì tại Công ty sản lượng mía vẫn đảm bảo được công suất chế biến của dây chuyền.

- Công tác chế biến đường: Dây

chuyền chế biến đường đã ổn định được công suất, chất lượng đường được nâng cao; đảm bảo an toàn thiết bị và môi trường.

- Công tác tổ chức cơ bản đã tinh gọn bộ máy quản lý, sắp xếp định biên lao động phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của công ty;

- Công tác mua sắm vật tư được cân nhắc và khảo sát kỹ thị trường trước khi mua nên tiết giảm được chi phí khá lớn

Với việc chủ động nắm bắt cơ hội, giải quyết tốt các vấn đề khó khăn, tiết kiệm

chi phí nên năm 2020-2021 Công ty đã đạt được kết quả tích cực về cả doanh thu và lợi nhuận

Đánh giá tổng quan năm 2020-2021, Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ giao, thị phần giữ được mức ổn định. Đây là kết quả rất đáng phấn khởi trong bối cảnh ngành đường Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn.

2. Một số công tác khác

- Song song với mục tiêu hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện tốt các nội dung công việc theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đối với công ty đại chúng niêm yết.

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và nâng cao chất lượng đội ngũ, tăng năng suất lao động, chống lãng phí, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt các chính sách lao động theo luật định. Duy trì trật tự kỷ cương, đoàn kết nội bộ trong công ty.

- Thực hiện tốt các quy định về An toàn vệ sinh lao động, Phòng cháy chữa cháy, giải quyết đầy đủ chế độ cho người lao động theo luật định, tích cực thực hiện Bảo vệ môi trường

Về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020-2021

Hội đồng quản trị luôn hoạt động trên nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật; Điều lệ, quy chế quản trị của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2020

Năm 2020 – 2021 Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 cuộc họp, ban hành 53 Nghị định, 29 Quyết định để chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Công ty

- Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia mở rộng của Ban điều hành, Ban kiểm soát và các đơn vị có liên

quan nhằm tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị nắm bắt các khó khăn và đưa ra các chỉ đạo kịp thời theo từng lĩnh vực được phân công theo dõi, giám sát.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị đã điều hành các hoạt động của Hội đồng Quản trị theo đúng thẩm quyền. Các thành viên Hội đồng quản trị đã tích cực quản lý, giám công ty; đưa ra những đánh giá, ý kiến khách quan nhằm mục tiêu tăng cường công tác quản trị công ty.

- Hội đồng quản trị thường xuyên có sự thảo luận, hội ý và thống nhất các ý kiến chỉ đạo đối với từng công việc phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh

- Tổng thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và Thư ký trong năm 2020-2021 là 824.000.000 đồng, nằm trong khuôn khổ mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trong vai trò quản trị, Hội đồng quản trị công đã chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên và sát cánh cùng Ban điều hành để kịp thời đưa ra các quyết sách linh hoạt đảm bảo đúng định hướng “Tăng trưởng bền vững – hiệu quả hợp lý” cho Công ty và hỗ trợ Ban điều hành giải quyết các vấn đề phát sinh trong quản lý điều hành.

Căn cứ các quy định tại Quy chế quản trị nội bộ công ty, Hội đồng quản trị tự đánh giá, năm 2020-2021, tập thể Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao



4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo ban Tổng giám đốc trong mọi lĩnh vực: Sản xuất, kinh doanh, tài chính, xây dựng vùng nguyên liệu, phát triển thị trường, bố trí nhân lực và thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của ban Tổng giám đốc trong công tác triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực và tinh thần vượt khó của Ban Tổng giám đốc trong công tác triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực và tinh thần vượt khó của Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2020-2021, ban Tổng giám đốc Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Các chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng quản trị đã được Ban Tổng giám đốc triển khai đầy đủ, kịp thời với tinh thần trách nhiệm cao giúp cho Công ty hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu Sản xuất kinh doanh.

Căn cứ các quy định tại Quy chế quản trị nội bộ công ty, Hội đồng quản

trị đánh giá, niên độ 2020-2021 ban Tổng giám đốc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

5. Những hạn chế còn tồn tại

Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh đạt được của năm 2020 - 2021 là khả quan so với tình hình chung của ngành mía đường trong nước, tuy nhiên Hội đồng quản trị nhận thấy và tự đánh giá là vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:

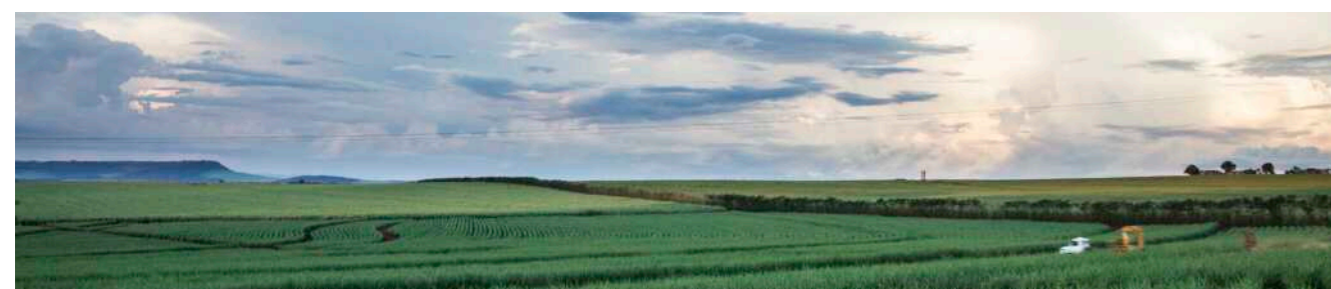
- Tính ổn định của vùng mía nguyên liệu vẫn chưa được đảm bảo, cạnh tranh giữa các loại cây trồng vẫn diễn ra gay gắt, thu nhập từ cây mía chưa thực sự hấp dẫn đối với bà con nông dân; diện tích vùng nguyên liệu ở địa bàn gần, đất bằng ngày càng bị thu hẹp dẫn đến giá thành mía nguyên liệu ngày càng tăng, cơ cấu giống mía chưa hợp lý.

- Bộ máy nhân sự tuy đã được củng cố nhưng chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, lao động chưa đáp ứng được yêu cầu vẫn còn khá lớn.

- Tuy Ban điều hành đã có nhiều cố gắng trong công tác tiêu thụ nhưng sản lượng đường tồn kho thường xuyên ở các thời điểm trong năm vẫn khá lớn, gây áp lực về nguồn vốn thanh toán nợ đến hạn ngân hàng, nợ các nhà cung cấp. Nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty chủ yếu từ vay ngân hàng, làm giảm tính chủ động của Công ty và tăng chi phí lãi vay.

Các nghị quyết, quyết định trong năm

STT	Số NQ	Ngày	Nội dung
1	25/NQ-HĐQT	07/07/2020	Thông qua kế hoạch bán hàng
2	26/NQ-HĐQT	29/07/2020	Thông qua kế hoạch và kinh phí cải tạo khuôn viên Công ty
3	27/NQ-HĐQT	30/07/2020	Thông qua một số nội dung liên quan đến kế hoạch tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2020
4	28/NQ-HĐQT	03/08/2020	Thông qua kế hoạch bán hàng
5	29/NQ-HĐQT	04/08/2020	Thông nhất ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2020
6	30/NQ-HĐQT	28/08/2020	Thông qua việc bổ nhiệm Phó tổng giám đốc Công ty
7	31/NQ-HĐQT	01/09/2020	Thông qua thời gian tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2020 và các nội dung trình Đại hội
8	32/NQ-HĐQT	14/09/2020	Thông qua kế hoạch triển khai sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2020-2021
9	33/NQ-HĐQT	25/09/2020	Thông qua kế hoạch vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh niên vụ 2020-2021
10	34/NQ-HĐQT	26/09/2020	Thông qua kế hoạch bán hàng
11	35/NQ-HĐQT	26/09/2020	Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2019-2020
12	36/NQ-HĐQT	05/10/2020	Thông qua kế hoạch thanh lý 02 xe ô tô con của Công ty
13	37/NQ-HĐQT	05/10/2020	Thông qua kế hoạch bán hàng
14	38/NQ-HĐQT	15/10/2020	Thông qua kế hoạch bán hàng
15	39/NQ-HĐQT	30/11/2020	Thông qua kế hoạch lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2020-2021
16	40/NQ-HĐQT	02/12/2020	Thông qua kế hoạch bán hàng
17	41/NQ-HĐQT	02/12/2020	Phê duyệt kinh phí hỗ trợ sửa chữa đường giao thông vận chuyển mía niên vụ 2020-2021
18	42/NQ-HĐQT	03/12/2020	Thông qua kế hoạch bán hàng
19	43/NQ-HĐQT	06/12/2020	Thông qua kế hoạch phê duyệt kinh phí quà tặng cho CBCNLĐ nhân ngày Công ty ra quân vào vụ sản xuất 2020-2021
20	44/NQ-HĐQT	08/12/2020	Thông qua kế hoạch bán hàng
21	45/NQ-HĐQT	08/12/2020	Thông qua kế hoạch Chính sách thu mua mía niên vụ 2020-2021



STT	SốNQ	Ngày	Nội dung
22	46/NQ-HĐQT	11/12/2020	Thông qua kế hoạch bán hàng
23	47/NQ-HĐQT	17/12/2020	Thông qua kế hoạch bán hàng
24	48/NQ-HĐQT	18/12/2020	Thông qua kế hoạch bán hàng
25	49/NQ-HĐQT	22/12/2020	Thông qua Chính sách phát triển vùng nguyên liệu mía niên vụ 2021-2022
26	50/NQ-HĐQT	22/12/2020	Thông qua kế hoạch bán hàng
27	51/NQ-HĐQT	28/12/2020	Thông qua kế hoạch bán hàng
28	01/NQ-HĐQT	06/01/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
29	02/NQ-HĐQT	06/01/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
30	03/NQ-HĐQT	12/01/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
31	04/NQ-HĐQT	13/01/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
32	05/NQ-HĐQT	13/01/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
33	06/NQ-HĐQT	15/01/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
34	07/NQ-HĐQT	20/01/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
35	08/NQ-HĐQT	20/01/2021	Bổ sung, điều chỉnh chính sách thu mua mía 2020-2021; đầu tư phát triển niên vụ 2021-2022
36	09/NQ-HĐQT	20/01/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
37	10/NQ-HĐQT	25/01/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
38	11/NQ-HĐQT	21/02/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
39	12/NQ-HĐQT	21/02/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
40	13/NQ-HĐQT	24/02/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
41	14/NQ-HĐQT	23/03/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
42	15/NQ-HĐQT	24/02/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
43	16/NQ-HĐQT	06/04/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
44	17/NQ-HĐQT	07/04/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
45	18/NQ-HĐQT	12/04/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
46	19/NQ-HĐQT	27/04/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
47	20/NQ-HĐQT	12/05/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
48	21/NQ-HĐQT	15/05/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
49	22/NQ-HĐQT	15/05/2021	Thông qua chủ trương nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư
50	23/NQ-HĐQT	20/05/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
51	24/NQ-HĐQT	27/05/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
52	25/NQ-HĐQT	05/06/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng
53	26/NQ-HĐQT	10/06/2021	Thông qua kế hoạch bán hàng

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	13/QĐ-HĐQT	01/07/2020	Quyết định phê duyệt trích lập quỹ lương dự phòng năm 2020-2021
2	17/QĐ-HĐQT	10/07/2020	Quyết định phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương thực hiện niên vụ 2019-2020 của Công ty
3	18/QĐ-HĐQT	10/07/2020	Quyết định phê duyệt kế hoạch và kinh phí nhân công, vật tư BDSC năm 2020
4	23/QĐ-HĐQT	28/08/2020	Quyết định bổ nhiệm ông Thái Văn Hùng giữ chức Phó tổng giám đốc Công ty
5	32/QĐ-HĐQT	14/09/2020	Quyết định phê duyệt kế hoạch mua trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành
6	35/QĐ-HĐQT	29/09/2020	Quyết định khen thưởng tập thể và cá nhân NLD đã có thành tích cao trong hoạt động SXKD niên vụ 2019-2020
7	37/QĐ-HĐQT	30/09/2020	Quyết định phê duyệt quỹ lương kế hoạch niên vụ 2020-2021
8	05/QĐ-HĐQT	25/01/2021	Phê duyệt mua vật tư nguyên vật liệu
9	06/QĐ-HĐQT	30/01/2021	Phê duyệt kế hoạch kinh phí
10	07/QĐ-HĐQT	23/02/2021	Phê duyệt bổ sung kế hoạch mua vật tư
11	08/QĐ-HĐQT	31/03/2021	Miễn nhiệm chức danh trưởng phòng TCHC
12	09/QĐ-HĐQT	31/03/2021	Miễn nhiệm chức danh thư ký HĐQT Công ty
13	10/QĐ-HĐQT	31/03/2021	Miễn nhiệm chức danh Phụ trách quản trị
14	11/QĐ-HĐQT	03/04/2021	Bổ nhiệm chức danh Phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty
15	14/QĐ-HĐQT	07/04/2021	Phê duyệt đầu tư
16	15/QĐ-HĐQT	07/04/2021	Phê duyệt đầu tư
17	16/QĐ-HĐQT	19/04/2021	Phê duyệt kế hoạch mua vật tư nguyên vật liệu
18	17/QĐ-HĐQT	19/04/2021	Ban hành quy chế quản lý tài chính sửa đổi

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
19	18/QĐ-HĐQT	19/04/2021	Thành lập ban quản lý dự án
20	19/QĐ-HĐQT	20/04/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị
21	20/QĐ-HĐQT	26/04/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị
22	21/QĐ-HĐQT	26/04/2021	Phê duyệt quyết toán bảo dưỡng, sửa chữa 2020
23	22/QĐ-HĐQT	29/04/2021	Phê duyệt kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa 2021
24	23/QĐ-HĐQT	05/05/2021	Thành lập Hội đồng Nghiệm thu mía 2021-2022
25	26/QĐ-HĐQT	25/05/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị
26	26 ^A /QĐ-HĐQT	25/05/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị
27	28/QĐ-HĐQT	31/05/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị
28	29/QĐ-HĐQT	31/05/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị
29	30/QĐ-HĐQT	25/06/2021	Phê duyệt mua sắm thiết bị

Kế hoạch, định hướng cho niên vụ tới

1. Nhận định tình hình chung

Dự báo niên vụ 2021-2022, ngành mía đường vẫn gặp nhiều khó khăn. Tuy Chính phủ, các Bộ ngành bước đầu áp dụng một số chính sách phòng vệ thương mại như áp thuế chống bán phá giá và chống bảo hộ đối với một số sản phẩm đường nhập khẩu từ Thái Lan, nhưng nạn nhập lậu, gian lận thương mại vẫn chưa được kiểm soát, hàng Thái Lan “đội lốt” các nước khác trong khối ASEAN nhập khẩu vào Việt Nam để được ưu đãi thuế quan tăng đột biến, biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn ở một số địa phương làm cho diện tích mía giảm sút.

Để tạo nền tảng tiếp tục phát triển bền vững trong tình hình mới chúng ta

cần phải chủ động tự đổi mới, có các giải pháp, đối sách phù hợp với thực tế, thực hiện tốt công tác quản lý diện tích vùng nguyên liệu. Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển cây mía theo chiều sâu, tăng cường áp dụng tổng hợp các biện pháp thâm canh, giống, phương pháp trồng, chăm sóc và ổn định giá cả thu mua mía, tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm nâng cao năng lực cạnh tranh để có thể đáp ứng tốt hơn với mọi khó khăn thách thức

2. Kế hoạch phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ năm 2021-2022

Để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được ổn định từng

bước vượt qua các giai đoạn khó khăn, Hội đồng quản trị đề ra phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021-2022, với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

Tổng doanh thu toàn Công ty: **1.037.000 triệu đồng**
 Tổng chi phí: **962.000 triệu đồng**
 Lợi nhuận trước thuế TNDN: **75.000 triệu đồng**
 Lợi nhuận sau thuế TNDN: **75.000 triệu đồng**
 Chia cổ tức bằng tiền: **30% vốn điều lệ**

- Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định, lâu dài trên cơ sở đảm bảo lợi ích hài hòa của Công ty và người trồng mía, áp dụng các biện pháp trồng, thâm canh tiên tiến và các loại giống mới để nâng cao năng suất, chất lượng mía, nâng cao khả năng chịu hạn (vụ 2021-2022 đến thời điểm này Công ty đã chi gần 34 tỷ đồng để hỗ trợ bà con trồng mía)

- Chú trọng công tác bảo dưỡng sửa chữa dây chuyền sản xuất để ổn định công suất chế biến đường đáp ứng sản xuất kịp mùa vụ thu hoạch mía và nâng cao chất lượng đường thành phẩm

- Đẩy mạnh công tác tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay vốn, giảm chi phí sản xuất kinh doanh

- Đảm bảo việc làm và ổn định mức thu nhập cho người lao động; xây dựng môi trường làm việc thân thiện; tuân thủ Luật lao động, chi trả thu nhập xứng đáng với năng lực; Quan tâm kịp thời đến các chế độ phúc lợi của Người lao động

- Đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Năm 2021- 2022, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Công ty như sau:

- Thực hiện quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ công ty, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và quyền lợi của cổ đông

- Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2021 nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch và đạt mức tăng trưởng cao

- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự, tăng cường công tác đào tạo và nâng cao nghiệp vụ cho người lao động

- Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa của các cổ đông cũng như quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của toàn thể cán bộ công nhân người lao động trong Công ty



- Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu ổn định, lâu dài trên cơ sở đảm bảo lợi ích hài hòa của Công ty và người trồng mía

- Bảo dưỡng thiết bị máy móc nhằm đảm bảo ổn định công suất và nâng cao chất lượng sản phẩm

- Phát triển kênh phân phối nhằm giữ vững và gia tăng thị phần tiêu thụ sản phẩm

phẩm

- Không ngừng nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành

Triển khai các giải pháp công nghệ thông tin, phương thức quản lý, hiện đại nhằm tối ưu hóa nguồn lực Công ty

“Niên vụ sản xuất 2020-2021 đã kết thúc, Hội đồng quản trị tự đánh giá, kiểm điểm và nhận thấy mặc dù năm qua vẫn còn một số tồn tại hạn chế nhất định, song tập thể hiện vượt chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Hội đồng quản trị trân trọng cảm ơn sự nỗ lực của Ban điều hành và tập thể người lao động Công ty; hoạt động giám sát có hiệu quả của Ban Kiểm soát; sự giám sát và phối hợp của các cổ đông đã góp phần cho việc hoàn thành nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Niên vụ sản xuất 2021-2022 sắp tới, để vượt qua những thách thức, hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh và tiếp tục đưa Công ty cổ phần Mía đường Sơn La phát triển bền vững; Hội đồng quản trị rất mong nhận được sự ủng hộ và gắn bó lâu dài của Quý cổ đông, các đối tác cùng với sự nhiệt tình, nỗ lực, đoàn kết của toàn thể người lao động, cán bộ công nhân viên trong Công ty.”





Phần VI: Báo cáo Phát triển bền vững

Định hướng phát triển bền vững **82**

Phát triển bền vững **83**

Các hoạt động phát triển bền vững **84**



Mô hình phát triển bền vững

Với tư cách là một doanh nghiệp sản xuất đường - ngành sản xuất thực phẩm quan trọng của đất nước, Công ty cổ phần Mía đường Sơn La ý thức rất rõ vai trò của phát triển bền vững đối với hoạt động và sự phát triển của mình. Định hướng phát triển bền vững sẽ là bước đi đúng đắn và duy nhất đối với Công ty để đạt được các mục tiêu và tăng trưởng bền vững trong dài hạn. Công ty luôn muốn gắn lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của không chỉ các cổ đông, mà còn là lợi ích của địa phương, của quốc, lợi ích môi trường và xã hội, lợi ích của từng người dân trên địa bàn hoạt động và lợi ích của chính các khách hàng, đối tác của Công ty. Trên cơ sở đó, các kế hoạch hành động của Công ty được đặt ra dựa trên nền tảng sự chia sẻ chủ động và tích cực từ các bên liên quan nhằm nhanh chóng phát hiện những vấn đề cần thay đổi và phát triển để hoàn thiện hơn các chính sách của Công ty hiện nay.



Định hướng phát triển bền vững

Khách hàng - đối tác

- Đặt uy tín lên hàng đầu, đảm bảo chất lượng tiêu chuẩn sản phẩm - vệ sinh an toàn thực phẩm (ISO)
- Đối với các đối tác cung cấp nguyên liệu mía đầu vào - phần lớn là các hộ nông dân: cùng hợp tác phát triển, đặt lợi ích kinh tế lâu dài của bà con lên hàng đầu, hỗ trợ về giống mía, phân bón, các điều kiện di chuyển.

Cổ đông

- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông với việc thực hiện công bố, minh bạch thông tin, quản trị nội bộ và tài chính theo đúng luật pháp
- Xây dựng chính sách cổ tức hiệu quả, gắn liền với việc gia tăng giá trị tài sản bền vững và vì lợi ích cổ đông
- Xây dựng uy tín thương hiệu **Mía đường Sơn La**, không chỉ là doanh nghiệp hàng đầu tỉnh mà còn hướng tới trở thành nhà sản xuất đường có vị thế trên thị trường quốc tế

Nhà nước

- Tuân thủ pháp luật về quản trị doanh nghiệp, chứng khoán, sản xuất
- Góp phần phát triển ngành mía đường, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.
- Đầu tư, sản xuất trên địa bàn vùng núi khó khăn, góp phần phát triển kinh tế vùng, tối ưu hóa những nguồn lực của đất nước
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế

Người lao động

- Đảm bảo môi trường làm việc cho cán bộ, công nhân, người lao động
- Chính sách lương thưởng hiệu quả
- Chăm lo đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên, đặc biệt là các đối tượng bị ảnh hưởng hoặc có người thân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh

Cộng đồng

- Đảm bảo lợi ích lâu dài cho người trồng mía
- Gắn liền với phát triển kinh tế địa phương, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương
- Thực hiện các hoạt động khuyến học, ủng hộ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào chịu thiên tai, lũ lụt

Môi trường

- Phát triển vùng nguyên liệu bền vững: dùng phân bón cải tạo lại đất
- Bảo vệ môi trường, giảm phát thải carbon và chất thải trong quá trình sản xuất

Các hoạt động phát triển bền vững

Xu thế quản trị Công ty theo hướng phát triển bền vững là tất yếu đối với doanh nghiệp hiện đại. Công ty cổ phần Mía đường Sơn La với tư cách là doanh nghiệp lớn trong ngành mía đường - ngành sản xuất quan trọng, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia - không nằm ngoài xu thế đó. Vùng sản xuất chính của Mía đường Sơn La nằm tại khu vực đồi núi Cao Bằng, là vùng nguyên liệu mía đầu vào sản xuất đường với diện tích khoảng 8.000 ha, tương đương khoảng 3,4% vùng nguyên liệu mía cả nước. Đây là vùng nguyên liệu được đánh giá là có thổ nhưỡng tương đối phù hợp với cây mía, cho trữ lượng đường trong mía cao và từ đó tạo ra ưu thế về giá nguyên liệu mía đầu vào so với mức giá trung trên thị trường. Tuy nhiên, Công ty cũng nhận thức rõ những khó khăn tại khu vực sản xuất này. Thứ nhất, địa hình vùng núi cao Đông Bắc Bộ tuy phù hợp với việc canh tác mía nhưng cũng rất khó để cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, chi phí cho việc tăng năng suất mía, chi phí nâng cấp hạ tầng cung ứng chuỗi sản xuất đường là rất đáng kể so với các khu vực trồng mía khác như Thanh Hóa, Đồng bằng sông Cửu Long. Thứ hai, Công ty hiện đang ký hợp đồng trồng và thu mua mía với hơn 8.600 hộ nông dân trên địa phương. Đây là khu vực kinh tế miền núi có tốc độ phát triển còn thấp so với cả nước, đời sống bà con nông dân còn khó khăn, kỹ thuật nuôi trồng còn nhiều hạn chế, nhiều hộ nông dân dễ lựa chọn chuyển đổi sang các loại cây ăn quả khác cho hiệu quả kinh tế cao hơn. Hai khó khăn

trên ảnh hưởng rất lớn đến mục tiêu phát triển bền vững của Công ty và Ban lãnh đạo Mía đường Sơn La đã và đang có những giải pháp triển khai. Cụ thể, Công ty luôn quan tâm đến việc phát triển vùng nguyên liệu mía bền vững, lượng phân bón sản phẩm công ty sản xuất được chủ yếu nhằm bồi đắp, tái tạo lại vùng đất canh tác. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn hỗ trợ tỉnh trong công tác tu sửa, bảo trì các tuyến đường vận chuyển mía đến các nhà máy ép. Đối với bà con nông dân, Công ty chủ động hỗ trợ về phương diện vốn phương tiện kỹ thuật canh tác, cung cấp các giống mía phù hợp với thổ nhưỡng, có năng suất, chũ đường cao, có khả năng chống chịu thời tiết bất lợi và kháng sâu bệnh. Đối với Công ty, việc tạo ra chuỗi sản xuất bền vững, hiệu quả là lợi ích chung cho cả Mía đường Sơn La, các hộ nông dân trồng mía trên địa bàn và cả bộ mặt kinh tế tỉnh. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La xác định phải đẩy mạnh tốc độ phát triển của công ty, mục tiêu trở thành điểm sáng của ngành mía đường trong giai đoạn khó khăn, gia tăng lợi ích chung cho công ty, cho tỉnh Sơn La nói riêng và xã hội nói chung. Cùng với đó Công ty cũng luôn ý thức được việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, nhất là trong hoạt động kinh doanh và công tác bảo vệ môi trường. Thể hiện ở việc đầu tư cho hệ thống nước thải, trồng cây xanh và vệ sinh công nghiệp. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La luôn luôn mong muốn trở thành công ty đi đầu về sản xuất mía đường tại

Việt Nam, trở thành người bạn đáng tin cậy của người nông dân trồng mía và là một doanh nghiệp tiêu biểu của tỉnh Sơn La.

Các hoạt động phát triển bền vững

- Nghị quyết số 78/NQ-HĐQT ngày 14/11/2018 về việc Thông qua kế hoạch sửa chữa đường giao thông vùng nguyên liệu mía và kinh phí hỗ trợ sửa đường niên vụ 2018-2019.
- Nghị quyết số 59/NQ-HĐQT ngày 05/12/2019 điều chỉnh một số nội dung liên quan đến chính sách thu mua mía nguyên liệu và giá cước vận chuyển

- hàng hóa niên vụ 2019-2020
- Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 10/02/2020 thông qua phê duyệt bổ sung "Chính sách phát triển vùng nguyên liệu mía niên vụ 2020-2021"
- Nghị quyết số 07/QĐ-HĐQT ngày 16/03/2020 về việc thông qua phê duyệt Quyết toán dự án đầu tư hoàn thành "Dự án đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 5000TMN - Giai đoạn 2017-2018 của Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La"



Phần VII:

Báo cáo tài chính năm 2020 - 2021

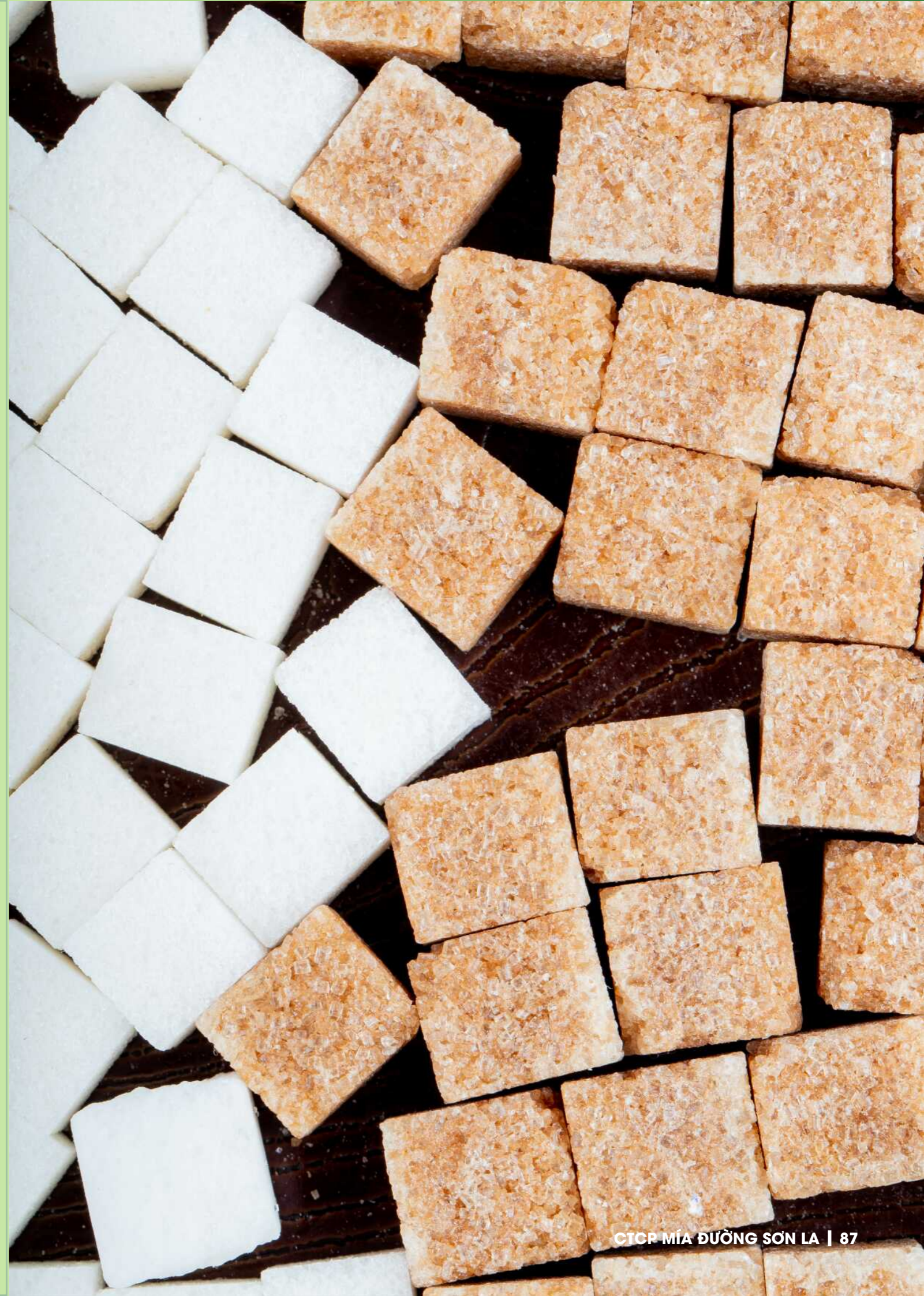
Báo cáo của Ban giám đốc **90**

Bảng cân đối kế toán **93**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh **95**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ **96**

Bản thuyết minh báo cáo tài chính **98**



**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2021

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ: Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2021 đã được kiểm toán.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Mía đường Sơn La tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 26/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500155321 ngày 20/02/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ tám ngày 28/05/2018.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, chế biến và kinh doanh đường mía, mật ri và các sản phẩm sau đường;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh phân bón, phân đạm, thuốc trừ sâu, mía giống.

Công ty có trụ sở tại Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|---------------------------|--------------|
| - Ông Đặng Việt Anh | Chủ tịch |
| - Ông Trần Ngọc Hiếu | Phó Chủ tịch |
| - Bà Trần Thị Nhi | Thành viên |
| - Ông Thái Văn Hùng | Thành viên |
| - Ông Nguyễn Trường Chinh | Thành viên |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|----------------------|-------------------|--------------------------|
| - Ông Trần Ngọc Hiếu | Tổng Giám đốc | |
| - Ông Thái Văn Hùng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/09/2020 |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Việt Anh - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|-----------------------|----------------------|----------------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Thùy | Trưởng Ban Kiểm soát | |
| - Ông Nguyễn Văn Tài | Thành viên | |
| - Ông Nguyễn Văn Minh | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 19/10/2020 |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Công ty.

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ: Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Sơn La, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Thay mặt Ban Giám đốc,



Tổng Giám đốc
Trần Ngọc Hiếu



Số: 346 /2021/BCKT-BDO

Tel: +84 (0)24 37833911/12/13
Fax: +84 (0)24 37833914
www.bdovietnam.vn

20th Floor, Icon 4 Tower
243A De La Thanh St
Dong Da District, Hanoi,
Vietnam

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La
cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2021

**Kính gửi: CỘ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La, được lập ngày 27 tháng 08 năm 2021 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Mía đường Sơn La tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO



Bùi Văn Vương - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán 0780-2018-038-1

Phạm Thị Tú - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán 2581-2018-038-1

BDO Audit Services Co., Ltd, a limited liability company incorporated in Vietnam, is a member of BDO International Limited, a UK company limited by guarantee, and forms part of the International BDO network of independent member firms. BDO is the brand name for the BDO International network and for each of the BDO Member Firms.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/06/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ: Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội,

Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		565.390.612.744	459.177.981.607
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	4.489.086.530	4.674.467.769
1.	Tiền	111		4.489.086.530	4.674.467.769
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		313.617.740.086	255.960.510.753
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	176.896.964.863	166.206.806.408
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.1	14.366.487.024	23.327.621.854
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.1	9.400.000.000	9.400.000.000
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.1	124.753.186.570	71.611.820.446
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7.1	(11.798.898.371)	(14.585.737.955)
III. Hàng tồn kho		140	V.8	247.275.139.328	198.523.111.063
1.	Hàng tồn kho	141		252.497.969.228	203.910.282.364
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.222.829.900)	(5.387.171.301)
IV. Tài sản ngắn hạn khác		150		8.646.800	19.892.022
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15.2	8.646.800	19.892.022
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		627.497.176.068	668.531.495.794
I. Tài sản cố định		220		607.948.061.927	651.029.232.089
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	606.724.670.267	649.901.782.324
	Nguyên giá	222		921.489.779.257	912.562.015.296
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(314.765.108.990)	(262.660.232.972)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.223.391.660	1.127.449.765
	Nguyên giá	228		2.018.991.660	1.876.549.765
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(795.600.000)	(749.100.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn		240		6.648.075.545	3.982.980.784
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12.1	6.648.075.545	3.982.980.784
III. Đầu tư tài chính dài hạn		250		11.600.000.000	9.600.000.000
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2.2	9.600.000.000	9.600.000.000
2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2.1	2.000.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác		260		1.301.038.596	3.919.282.921
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.1	1.301.038.596	3.919.282.921
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		1.192.887.788.812	1.127.709.477.401

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ: Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội,
Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 30/06/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		536.104.594.266	556.500.913.793		
I. Nợ ngắn hạn	310		433.704.594.266	378.300.913.793		
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.1	65.777.116.907	55.806.951.700		
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.1	652.432.351	1.679.949.951		
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.1	13.671.709.015	11.935.604.705		
4. Phải trả người lao động	314	V.16	3.376.074.099	5.349.944.932		
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17.1	1.285.266.727	941.498.576		
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.1	725.276.809	448.275.769		
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20.1	322.224.800.077	297.195.286.947		
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19.1	22.174.186.263	-		
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.817.732.018	4.943.401.213		
II. Nợ dài hạn	330		102.400.000.000	178.200.000.000		
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20.2	102.400.000.000	151.200.000.000		
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19.2	-	27.000.000.000		
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		656.783.194.546	571.208.563.608		
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	656.783.194.546	571.208.563.608		
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		97.919.450.000	97.919.450.000		
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		97.919.450.000	97.919.450.000		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.998.638.028	3.998.638.028		
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.607.779.802	45.607.779.802		
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		8.309.151.136	6.800.000.000		
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		500.948.175.580	416.882.695.778		
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		337.139.080.778	297.565.811.235		
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		163.809.094.802	119.316.884.543		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.192.887.788.812	1.127.709.477.401		

Người lập biểu

Nguyễn Thị Yên

Nguyễn Thị Yên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Khương

Nguyễn Thị Khương

Lập ngày 27 tháng 08 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ: Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội,
Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 30/06/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	801.155.649.910	1.053.607.364.251		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	19.047.619	5.264.076.190		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		801.136.602.291	1.048.343.288.061		
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	600.480.759.423	878.505.773.395		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		200.655.842.868	169.837.514.666		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	14.066.997.479	16.675.401.366		
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	33.416.688.378	44.995.950.899		
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.930.355.152	43.908.920.167		
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	3.402.836.603	4.721.250.204		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	14.033.577.781	17.863.593.370		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		163.869.737.585	118.932.121.559		
11. Thu nhập khác	31	VI.8	427.103.005	729.127.175		
12. Chi phí khác	32	VI.9	487.745.788	344.364.191		
13. Lợi nhuận khác	40		(60.642.783)	384.762.984		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		163.809.094.802	119.316.884.543		
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-		
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		163.809.094.802	119.316.884.543		
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	16.729	11.705		

Người lập biểu

Nguyễn Thị Yên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Khương

Lập ngày 27 tháng 08 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		163.809.094.802	119.316.884.543
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		53.677.643.311	50.236.024.367
- Các khoản dự phòng	03		(7.776.994.722)	32.338.181.391
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.096.013.498)	(3.824.177.613)
- Chi phí lãi vay	06		31.930.355.152	43.908.920.167
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		237.544.085.045	241.975.832.855
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(58.114.430.492)	(86.311.782.794)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(48.587.686.864)	233.246.628.035
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11.709.075.848	(175.581.423.859)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.618.244.325	(1.086.700.887)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(31.930.355.152)	(43.908.920.167)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		12.500.000	49.950.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.829.018.059)	(4.466.445.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		102.422.414.651	163.917.138.008
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(12.437.149.237)	(22.460.844.897)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		363.636.363	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.300.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.300.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.732.610.504	4.156.339.809
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.340.902.370)	(18.304.505.088)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		597.043.399.940	738.323.423.930
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(620.813.886.810)	(834.022.891.363)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(68.496.406.650)	(48.926.004.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(92.266.893.520)	(144.625.472.183)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(185.381.239)	987.160.737
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.674.467.769	3.687.307.032
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	4.489.086.530	4.674.467.769

Người lập biểu

Nguyễn Thị Yên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Khương

Lập ngày 27 tháng 08 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Hiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Mía đường Sơn La tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 26/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500155321 ngày 20/02/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ tám ngày 28/05/2018.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) kể từ ngày 16/10/2012 với mã chứng khoán là SLS.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất chế biến;
- Kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh**Hoạt động kinh doanh chính:**

- Sản xuất, chế biến và kinh doanh đường mía, mật ri và các sản phẩm sau đường;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh phân bón, phân đạm, thuốc trừ sâu, mía giống.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản để chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2021 là 276 người (tại ngày 30/06/2020 là 261 người).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán năm:** Kỳ kế toán năm của công ty bắt đầu từ ngày 01/07 năm trước đến ngày 30/06 năm sau.**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Giá trị ghi sổ: Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Căn cứ trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác: Dự phòng được lập khi giá trị ghi sổ của khoản đầu tư cao hơn giá trị có thể thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đối với công ty liên doanh, liên kết được đầu tư trong kỳ: Thời điểm ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Việc ghi nhận đảm bảo tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 07, 08 về việc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

Nguyên tắc xác định công ty liên doanh, liên kết: Dựa theo tỷ lệ quyền biểu quyết.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; phải thu về tiền đầu tư vùng nguyên liệu,...).

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.
- Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên (thời gian quá hạn được xác định căn cứ vào hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) được trích lập dự phòng theo tỷ lệ như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

- Các khoản phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn: Trích lập dự phòng trên cơ sở dự kiến mức tổn thất không thu hồi được.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định**a) Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình, vô hình****Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)**

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	06 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
Thiết bị quản lý	03 - 08 năm

Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)

TSCĐ VH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ VH khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao.

Chương trình phần mềm

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian ước tính hữu dụng.

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013, thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán thuế**a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Công ty đang được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chế biến nông sản theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ tài chính.

b) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn tại thời điểm kết thúc năm tài chính bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định; công cụ, vật tư xuất dùng có giá trị lớn, được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 36 tháng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...)

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**Ghi nhận chi phí đi vay**

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

Chi phí đi vay được vốn hóa

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi đã trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Trong năm, Công ty không phát sinh chi phí lãi vay được vốn hóa.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: phải trả chi phí quản lý thu mua mía, lãi chậm trả tiền hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả

- **Trích trước chi phí lãi chậm trả tiền hàng:** Căn cứ số dư nợ mua hàng chậm trả, thời hạn nợ, lãi suất chậm trả quy định trên hợp đồng mua bán.
- **Trích trước chi phí quản lý thu mua mía:** Căn cứ trọng lượng mía nguyên liệu sạch nhập về chế biến và đơn giá kinh phí hoạt động được phê duyệt.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thoả mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Căn cứ trích lập dự phòng phải trả

Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ định kỳ (theo yêu cầu kỹ thuật)

Khoản dự phòng sửa chữa bảo dưỡng TSCĐ được trích lập căn cứ vào nhu cầu, kế hoạch sửa chữa TSCĐ định kỳ của Công ty.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần**

Vốn góp của chủ sở hữu: Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông góp vốn.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

b) Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển.

Quỹ đầu tư phát triển: Được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, XDCB, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán đường, mật ri, xăng dầu, phân bón... được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trả chậm tiền hàng.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trả chậm tiền hàng: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn, lãi chậm trả tiền hàng, lãi phải trả cho khách hàng ứng trước tiền hàng.

Chi phí lãi vay của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**Chi phí bán hàng:** Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị...).**17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VIII.2

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh (TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình); chi phí cải tạo, nâng cấp TSCĐ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Tiền mặt	84.984.444		255.414.089	
Tiền gửi ngân hàng	4.404.102.086		4.419.053.680	
Cộng	4.489.086.530		4.674.467.769	
Các khoản tương đương tiền	-		-	
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	4.489.086.530		4.674.467.769	

2. Các khoản đầu tư tài chính**2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Dài hạn	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (20.000 TP)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	-	-
Cộng	2.000.000.000		2.000.000.000			

2.2 Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000
Cộng	9.600.000.000		9.600.000.000	9.600.000.000		9.600.000.000

Chi tiết tỷ lệ vốn nắm giữ và quyền biểu quyết ở từng Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn góp của CSH	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La	31.875.600.000	30%	30%	31.875.600.000	30%	30%

Tóm tắt tình hình hoạt động của Công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

Hoạt động chính của Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La trong năm là trồng mía, ngô và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp liên quan.

3. Phải thu khách hàng**3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần cơ khí điện máy Cần Thơ	39.208.582.751	40.796.075.342
Công ty TNHH MTV Phú An Sài Gòn	43.292.416.163	47.906.555.000
Công ty TNHH An Hà	13.286.524.275	58.373.790.959
Các khách hàng còn lại	81.109.441.674	19.130.385.107
Cộng	176.896.964.863	166.206.806.408

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

3.2 Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Xem thuyết minh VIII.2

4. Trả trước cho người bán**4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại Việt Long	1.762.450.950	1.762.450.950
Công ty TNHH Shrijee Process Engineering	2.323.580.875	-
Công ty TNHH Vĩnh Trị	6.963.752.001	6.963.752.001
Công ty TNHH MTV tư vấn thương mại mía đường Lộc Hằng	-	2.279.189.530
Các nhà cung cấp còn lại	3.316.703.198	12.322.229.373
Cộng	14.366.487.024	23.327.621.854

5. Phải thu về cho vay**5.1 Cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Xi măng Bắc Kạn	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Công ty CP nhựa Trường Thịnh	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng cầu đường 19	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-
Cộng	9.400.000.000	9.400.000.000	-	9.400.000.000	9.400.000.000	-

6. Phải thu khác**6.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu đầu tư vùng nguyên liệu	123.613.356.781	308.188.371	69.879.886.616	280.219.654
Phải thu tiền hàng của cửa hàng xăng dầu	-	-	493.464.868	-
Tạm ứng	683.056.504	-	1.098.207.224	-
Phải thu khác	456.773.285	-	140.261.739	-
Cộng	124.753.186.570	308.188.371	71.611.820.446	280.219.654

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

7. Nợ xấu**7.1 Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần Xi măng Bắc Kạn	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
Công ty cổ phần XD Cầu đường 19	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-
Công ty cổ phần nhựa Trường Thịnh	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
Công ty TNHH TM Bình Anh	1.400.000.000	1.400.000.000	-	1.400.000.000	1.400.000.000	-
Các đối tượng khác	1.051.192.605	998.898.371	52.294.234	6.741.107.855	3.785.737.955	2.955.369.900
Cộng	11.851.192.605	11.798.898.371	52.294.234	17.541.107.855	14.585.737.955	2.955.369.900

7.2 Đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi nợ quá hạn

Công ty đã đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn, nợ không có khả năng thu hồi với sự thận trọng phù hợp.

Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để đảm bảo thu hồi được số nợ quá hạn.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	23.769.653.584	5.222.829.900	25.667.701.890	5.387.171.301
Công cụ, dụng cụ	4.648.559	-	5.599.309	-
Thành phẩm	226.732.407.886	-	176.826.077.057	-
Hàng hóa	1.991.259.199	-	1.410.904.108	-
Cộng	252.497.969.228	5.222.829.900	203.910.282.364	5.387.171.301

Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả:

	VND
Nguyên liệu, vật liệu	23.769.653.584
Công cụ, dụng cụ	4.648.559
Thành phẩm	226.732.407.886
Hàng hóa	1.991.259.199
Cộng	252.497.969.228

Giá trị hàng tồn kho trên được dùng thế chấp, cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La (Xem Thuyết minh V.20).

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	5.387.171.301	2.862.752.628
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	417.758.597	2.543.418.673
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(582.099.998)	(19.000.000)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	5.222.829.900	5.387.171.301

9. Chi phí trả trước**9.1 Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	1.301.038.596	3.919.282.921
Cộng	1.301.038.596	3.919.282.921

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/07/2020	172.528.631.569	730.875.427.974	7.043.079.232	1.662.149.248	452.727.273	912.562.015.296
Mua sắm mới	-	6.563.863.556	-	80.545.455	-	6.644.409.011
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.072.005.065	1.820.535.732	-	-	-	3.892.540.797
Thanh lý, nhượng bán	-	(202.508.637)	(1.351.532.110)	-	-	(1.554.040.747)
Giảm khác	-	(55.145.100)	-	-	-	(55.145.100)
Tại ngày 30/06/2021	174.600.636.634	739.002.173.525	5.691.547.122	1.742.694.703	452.727.273	921.489.779.257
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/07/2020	68.114.091.357	189.496.558.630	3.506.885.538	1.208.541.607	334.155.840	262.660.232.972
Khấu hao trong kỳ	6.200.962.465	46.631.429.933	687.460.080	46.615.513	64.675.320	53.631.143.311
Thanh lý, nhượng bán	-	(164.025.268)	(1.351.532.110)	-	-	(1.515.557.378)
Giảm khác	(9.720.346)	(989.569)	-	-	-	(10.709.915)
Tại ngày 30/06/2021	74.305.333.476	235.962.973.726	2.842.813.508	1.255.157.120	398.831.160	314.765.108.990
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/07/2020	104.414.540.212	541.378.869.344	3.536.193.694	453.607.641	118.571.433	649.901.782.324
Tại ngày 30/06/2021	100.295.303.158	503.039.199.799	2.848.733.614	487.537.583	53.896.113	606.724.670.267

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 94.810.856.066 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ đã dùng để chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay: 424.348.282.408 đồng

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

20

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ: Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội,

Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/06/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/07/2020	1.080.949.765	795.600.000	1.876.549.765
Mua trong năm	-	142.441.895	142.441.895
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 30/06/2021	1.080.949.765	938.041.895	2.018.991.660
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/07/2020	-	749.100.000	749.100.000
Khấu hao trong năm	-	46.500.000	46.500.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 30/06/2021	-	795.600.000	795.600.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/07/2020	1.080.949.765	46.500.000	1.127.449.765
Tại ngày 30/06/2021	1.080.949.765	142.441.895	1.223.391.660

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 795.600.000 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để chấp, cầm cố cho vay: 0 đồng

12. Tài sản dở dang dài hạn**12.1 Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án 2018 - RS	384.856.091	387.396.091
Dự án 2018 - RE	715.722.727	747.875.526
Dự án 2017	1.263.713.589	277.609.852
Dự án khác	4.283.783.138	2.570.099.315
Cộng	6.648.075.545	3.982.980.784

13. Phải trả người bán**13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần Công nông nghiệp Tiên Nông	20.987.788.750	20.987.788.750	10.149.893.750	10.149.893.750
Chi nhánh Công ty cổ phần Tổng Công ty Sông Gianh tại Bắc Ninh	12.280.750.000	12.280.750.000	3.959.060.000	3.959.060.000
Công ty CP Công nghiệp Hiệp Thành	4.551.150.035	4.551.150.035	4.551.150.035	4.551.150.035
Công ty cổ phần nông dược Việt Nam	2.420.000.000	2.420.000.000	1.980.000.000	1.980.000.000
Các nhà cung cấp còn lại	25.537.428.122	25.537.428.122	35.166.847.915	35.166.847.915
Cộng	65.777.116.907	65.777.116.907	55.806.951.700	55.806.951.700

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

21

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ: Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội,
Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 30/06/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

13.2 Phải trả người bán là các bên liên quan

Xem thuyết minh VIII.2

14. Người mua trả tiền trước**14.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đinh Thị Phương Dung	68.696.000	-
Nguyễn Thị Dự	1.500.000	841.600.000
Trần Ngọc Thành	542.750.000	792.000.000
Các khách hàng còn lại	39.486.351	46.349.951
Cộng	652.432.351	1.679.949.951

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**15.1 Thuế phải nộp**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT bán hàng nội địa	11.436.053.889	30.892.860.753	29.123.136.226	13.205.778.416
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	340.290.585	340.290.585	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	112.119.043	112.119.043	-
Thuế thu nhập cá nhân	54.243.333	3.233.322.117	3.266.942.334	20.623.116
Thuế tài nguyên	-	110.775.400	110.775.400	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	445.307.483	1.249.016.782	1.249.016.782	445.307.483
Các loại thuế khác	-	44.252.112	44.252.112	-
Cộng	11.935.604.705	35.982.636.792	34.246.532.482	13.671.709.015

15.2 Thuế phải thu

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Các loại thuế khác	19.892.022	19.892.022	8.646.800	8.646.800
Cộng	19.892.022	19.892.022	8.646.800	8.646.800

Thuế GTGT

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Sản phẩm đường, mật ri, bã bunn, thuốc trừ sâu: 5%
- Xăng dầu: 10%
- Phân bón, mía giống: Không chịu thuế

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo thông báo của cơ quan thuế và thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước mặt phục vụ cho sản xuất công nghiệp với giá tính thuế đơn vị tài nguyên là 5.000 đồng/m³ và mức thuế suất là 3%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ: Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội,
Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 30/06/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

16. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả CBCNV lương tháng 6 và lương bổ sung	3.376.074.099	5.349.944.932
Cộng	3.376.074.099	5.349.944.932

17. Chi phí phải trả**17.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi chậm trả tiền hàng	604.585.963	221.614.393
Chi phí phải trả quản lý thu mua mía	680.680.764	719.884.183
Cộng	1.285.266.727	941.498.576

18. Phải trả khác**18.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	331.016.099	257.359.945
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	107.918.210	107.918.210
Phải trả, phải nộp khác	286.342.500	82.997.614
Cộng	725.276.809	448.275.769

19. Dự phòng phải trả**19.1 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ (*)	18.274.186.263	-
Dự phòng tiền lương	3.900.000.000	-
Cộng	22.174.186.263	-

19.2 Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ (*)	-	27.000.000.000
Cộng	-	27.000.000.000

(*): Chi phí dự phòng phải trả về sửa chữa lớn TSCĐ được trích lập phù hợp với chu kỳ bảo dưỡng, sửa chữa lớn TSCĐ theo yêu cầu kỹ thuật. Giá trị trích lập trong năm căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa lớn đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

20. Vay và nợ thuê tài chính**20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	242.713.465.354	242.713.465.354	597.043.399.940	566.332.065.217	273.424.800.077	273.424.800.077
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La (i)	224.913.465.354	224.913.465.354	554.893.399.940	527.382.065.217	252.424.800.077	252.424.800.077
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sơn La (ii)	17.800.000.000	17.800.000.000	42.150.000.000	38.950.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	54.481.821.593	54.481.821.593	48.800.000.000	54.481.821.593	48.800.000.000	48.800.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La (iii)	54.481.821.593	54.481.821.593	48.800.000.000	54.481.821.593	48.800.000.000	48.800.000.000
Cộng	297.195.286.947	297.195.286.947	645.843.399.940	620.813.886.810	322.224.800.077	322.224.800.077

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngắn hạn:

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La bao gồm 2 hợp đồng:
- Hợp đồng cho vay hạn mức số 10.33/2020-HĐCVHM/NHCT190-SLS ngày 04/11/2020 dùng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (không bao gồm mảng kinh doanh xăng dầu) trong đó số giải ngân ứng vốn cho vùng nguyên liệu tối đa là 100 tỷ đồng. Hạn mức của hợp đồng là 300 tỷ đồng, thời hạn theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng (với lĩnh vực sản xuất mía đường) và không quá 12 tháng (với lĩnh vực đầu tư vốn cho vùng nguyên liệu), lãi suất được điều chỉnh và được quy định trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là các cam kết bảo lãnh, hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng bảo đảm cụ thể là các hợp đồng thế chấp động sản, bất động sản và quyền tài sản được ký kết giữa hai bên.
 - Hợp đồng cho vay hạn mức số 01.10/2019-HĐCVHM/NHCT190-SLS ngày 22/10/2019 dùng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (không bao gồm mảng kinh doanh xăng dầu) trong đó số giải ngân ứng vốn cho vùng nguyên liệu tối đa là 100 tỷ đồng. Hạn mức của hợp đồng là 300 tỷ đồng, thời hạn tối đa không quá 06 tháng (với lĩnh vực sản xuất mía đường) và không quá 12 tháng (với lĩnh vực đầu tư ứng vốn cho vùng nguyên liệu), lãi suất điều chỉnh và được quy định trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là các cam kết bảo lãnh, hợp đồng bảo đảm cụ thể là các hợp đồng thế chấp động sản, bất động sản và hợp đồng thế chấp quyền tài sản được ký kết giữa hai bên.
- (ii) HĐ cho vay số 4104.20.785.2456994.TD ngày 06/05/2020 và Văn bản sửa đổi HĐ cho vay số 4104.20.785.2456994.TD.PL02 ngày 10/09/2020; dùng để bổ sung tài sản đảm bảo thế chấp là ô tô Toyota Parado được duy trì suốt thời gian vay vốn tại MB. Thời hạn tối đa 06 tháng cho từng lần nhận nợ, lãi suất được quy định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền ký quỹ tại MB, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm và giấy tờ có giá do MB phát hành.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

24

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ: Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	151.200.000.000	151.200.000.000	-	48.800.000.000	102.400.000.000	102.400.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La (iii)	151.200.000.000	151.200.000.000	-	48.800.000.000	102.400.000.000	102.400.000.000
Cộng	151.200.000.000	151.200.000.000	-	48.800.000.000	102.400.000.000	102.400.000.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn dài hạn:

- (iii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La bao gồm các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 03.28/2016-HĐTDDA/NHCT190-CTCPMIADUONGSL ngày 24/08/2016 với mục đích vay: "Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 4000 TMN (Giai đoạn 1 (2016-2017) đạt công suất 3000TMN)". Hạn mức tín dụng 120.000.000.000 VND. Thời hạn 96 tháng kể từ ngày giải ngân ban đầu, lãi suất thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản sau: Máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất theo hợp đồng thế chấp số 04.29/2013/HĐTC-ĐS ngày 20/11/2013; Quyền sử dụng đất số 1597834, nhà xưởng, văn phòng làm việc và các tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số 04.29A/2013/HĐTC-BĐS ngày 20/11/2013; Toàn bộ tài sản hình thành trong dự án Đầu tư nâng cấp thiết bị ổn định công suất 2500TMN và sản xuất đường tinh luyện tại nhà máy đường Sơn La và dự án Đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 4000 TMN (giai đoạn 2016 - 2017) đạt công suất 3000 TMN; Thẻ chấp hàng hóa luân chuyển, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế do Ngân hàng Công Thương tài trợ vốn.
 - Hợp đồng tín dụng số 11.29/2017-HĐCVDADT/NHCT190-CTCPMDSL ngày 18/05/2017 với mục đích vay: "Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư nâng cấp công suất dây chuyền chế biến đường và ổn định công suất 5000 TMN - Giai đoạn 2 (2017 - 2018)", hạn mức 171.000.000.000 VND với thời hạn 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp động sản, bất động sản, toàn bộ tài sản sau: Hợp đồng thế chấp động sản số 04.29/2013/HĐTC-ĐS ngày 20/11/2013; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04.29A/2013/HĐTC-BĐS ngày 20/11/2013; Toàn bộ tài sản hình thành trong dự án Đầu tư nâng cấp thiết bị ổn định công suất 2500TMN và sản xuất đường tinh luyện tại nhà máy đường Sơn La và dự án Đầu tư nâng công suất dây chuyền chế biến đường ổn định công suất 4000 TMN (giai đoạn 2016 - 2018) - Giai đoạn 1 (2016 - 2017) đạt công suất 3000 TMN; Thẻ chấp hàng hóa luân chuyển, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế do Ngân hàng tài trợ vốn; Hợp đồng thế chấp động sản số 11A.29/2017/HĐTCĐS ngày 18/05/2017; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 11B.29/2017/HĐTCBĐS ngày 18/05/2017 và các văn bản bổ sung đi kèm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

25

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

21. Vốn chủ sở hữu**21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	97.919.450.000	3.998.638.028	45.607.779.802	6.800.000.000	349.725.536.235	504.051.404.065
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	119.316.884.543	119.316.884.543
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(48.959.725.000)	(48.959.725.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	97.919.450.000	3.998.638.028	45.607.779.802	6.800.000.000	416.882.695.778	571.208.563.608
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	163.809.094.802	163.809.094.802
Tăng khác	-	-	-	1.546.628.925	-	1.546.628.925
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	(68.543.615.000)	(68.543.615.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	6.500.000.000	(11.200.000.000)	(4.700.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(6.537.477.789)	-	(6.537.477.789)
Số dư cuối năm nay	97.919.450.000	3.998.638.028	45.607.779.802	8.309.151.136	500.948.175.580	656.783.194.546

Trong năm, Công ty thực hiện phân phối các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 25 tháng 9 năm 2020. Theo đó, Công ty chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 70% vốn điều lệ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng trong năm phục vụ mục đích đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

26

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Địa chỉ: Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội,
Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 30/06/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Trần Thị Thái	26.860.600.000	26.860.600.000
Công ty TNHH Thái Liên	14.688.000.000	14.688.000.000
Cán bộ Công nhân viên và Cổ đông khác	56.370.850.000	56.370.850.000
Cộng	97.919.450.000	97.919.450.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận:

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	97.919.450.000	97.919.450.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	97.919.450.000	97.919.450.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	68.543.615.000	48.959.725.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.791.945	9.791.945
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	9.791.945	9.791.945
- Cổ phiếu phổ thông	9.791.945	9.791.945
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.791.945	9.791.945
- Cổ phiếu phổ thông	9.791.945	9.791.945
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

22. Thông tin bổ sung cho Bảng cân đối kế toán**Nợ khó đòi đã xử lý**

Chi tiết các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong 10 năm như sau:

Nội dung	Số nợ (VND)	Năm xóa nợ	Nguyên nhân xóa nợ
Xử lý các khoản nợ phải thu đầu tư vùng nguyên liệu tồn từ năm 2009 đến 2019	359.716.531	2018	Nợ không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu sản phẩm đường, mật ri	728.368.970.170	989.533.728.560
Doanh thu sản phẩm vi sinh, phân bón ủ men	4.661.481.190	4.553.425.000
Doanh thu xăng dầu	10.192.078.466	15.834.729.321
Doanh thu phân bón, thuốc trừ sâu, mía giống, xi tro	57.719.202.084	43.045.229.060
Doanh thu khác	213.918.000	640.252.310
Cộng	801.155.649.910	1.053.607.364.251

Doanh thu với các bên liên quan

Xem Thuyết minh VIII.2

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

27

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Giảm giá hàng bán	19.047.619	-
Hàng bán bị trả lại	-	5.264.076.190
Cộng	19.047.619	5.264.076.190

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm đường, mật ri	530.376.525.445	818.232.242.949
Giá vốn sản phẩm vi sinh, phân bón ủ men	3.651.570.202	2.987.615.267
Giá vốn xăng dầu	9.610.592.235	15.225.481.432
Giá vốn phân bón, thuốc trừ sâu, mía giống, xi tro	56.592.633.933	41.136.202.602
Giá vốn khác	249.437.608	924.231.145
Cộng	600.480.759.423	878.505.773.395

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	48.523.453	19.937.891
Cổ tức, lợi nhuận được chia	45.958.656	-
Lãi cho vay đầu tư vùng nguyên liệu	3.638.128.395	4.136.401.918
Lãi bán hàng trả chậm	10.334.386.975	12.519.061.557
Cộng	14.066.997.479	16.675.401.366

Doanh thu với các bên liên quan
Xem Thuyết minh VIII.2

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	31.930.355.152	43.908.920.167
Lãi chậm trả tiền hàng	604.585.963	887.368.541
Lãi ứng trước tiền hàng	881.747.263	199.662.191
Cộng	33.416.688.378	44.995.950.899

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	285.727.337	619.874.901
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.920.000	7.330.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	101.299.296	101.299.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.243.006.209	2.847.798.344
Chi phí bằng tiền khác	769.883.761	1.144.947.663
Cộng	3.402.836.603	4.721.250.204

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.599.253.055	7.948.727.028
Chi phí vật liệu quản lý	183.888.818	215.734.074
Chi phí đồ dùng văn phòng	70.598.126	2.802.909
Chi phí khấu hao TSCĐ	799.314.324	974.433.918
Thuế, phí và lệ phí	855.151.321	694.992.341
Chi phí dự phòng	1.113.160.416	2.813.762.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.641.681.053	2.608.007.426
Chi phí bằng tiền khác	1.770.530.668	2.605.132.956
Cộng	14.033.577.781	17.863.593.370

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

	Năm nay	Năm trước
8. Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	363.402.994	-
Thanh lý vật tư tồn kho	38.700.000	-
Các khoản khác	25.000.011	729.127.175
Cộng	427.103.005	729.127.175

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ	-	332.162.196
Các khoản bị phạt	487.745.781	-
Các khoản khác	7	12.201.995
Cộng	487.745.788	344.364.191

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	497.114.439.662	465.893.828.481
Chi phí nhân công	31.487.990.199	31.879.475.532
Chi phí công cụ, dụng cụ	360.739.944	10.966.150.856
Chi phí khấu hao TSCĐ	53.677.643.311	50.236.024.367
Chi phí dự phòng	948.819.015	32.338.181.391
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.392.553.980	8.196.765.123
Chi phí khác bằng tiền	11.059.126.231	12.716.676.602
Cộng	602.041.312.342	612.227.102.352

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	163.809.094.802	119.316.884.543
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	163.809.094.802	119.316.884.543
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	-	4.700.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	9.791.945	9.791.945
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.729	11.705

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	9.791.945	9.791.945
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.791.945	9.791.945

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền**

	Năm nay	Năm trước
Vay ngân hàng trả thẳng cho nhà cung cấp, vay trả lương cho CBCNV	149.393.409.840	181.343.423.930
Cộng	149.393.409.840	181.343.423.930

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc	3.191.362.000	1.491.535.000
Ông Đặng Việt Anh	548.800.000	267.800.000
Ông Trần Ngọc Hiếu	1.222.108.000	781.535.000
Bà Trần Thị Nhi	347.400.000	147.400.000
Ông Thái Văn Hùng	725.654.000	147.400.000
Ông Nguyễn Trường Chinh	347.400.000	147.400.000
Nhận tạm ứng từ Công ty	632.600.000	843.107.266
Ông Trần Ngọc Hiếu	632.600.000	843.107.266
Nhận cổ tức từ Công ty	1.439.823.000	1.028.445.000
Ông Đặng Việt Anh	517.706.000	369.790.000
Ông Trần Ngọc Hiếu	922.117.000	658.655.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải thu		
Ông Trần Ngọc Hiếu		
Nhận tạm ứng từ Công ty	235.000.000	698.168.000
Cộng	235.000.000	698.168.000

2.2 Các bên liên quan khác

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Đường Kon Tum	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần đầu tư Vương Quốc Việt	Bà Tạ Ngọc Hương - Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư Vương Quốc Việt là vợ ông Trần Ngọc Hiếu - Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sơn La
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	Bà Đặng Thị Thu Hằng - Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên là chị gái ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sơn La
Công ty TNHH Thái Liên	Cổ đồng góp vốn
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty cổ phần Mía Đường Trà Vinh	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Mía đường Cần Thơ	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Cơ khí điện máy Cần Thơ	Bà Đặng Thị Thu Hằng - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cơ khí điện máy Cần Thơ là chị gái ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sơn La

Giao dịch với các bên liên quan này trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Bán hàng	52.157.838.094	85.298.157.143
Lãi trả chậm tiền hàng	762.222.987	1.603.615.271
Mua vật tư	15.513.082.241	4.275.656.250
Lãi ứng trước tiền hàng	-	151.580.965
Trả lại lãi trả chậm tiền hàng không thực hiện	800.577.225	-
Công ty cổ phần Đường Kon Tum		
Bán hàng	9.428.571.429	-
Lãi trả chậm tiền hàng	176.572.602	-
Mua vật tư	-	760.225.000
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hòa		
Bán hàng	27.945.714.286	7.616.190.476
Lãi trả chậm tiền hàng	175.324.108	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LAĐịa chỉ: Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội,
Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 30/06/2021**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Thái Liên		
Bán hàng	66.870.490.478	56.757.584.758
Lãi trả chậm tiền hàng	148.035.616	-
Lãi khách hàng trả trước tiền hàng	438.010.275	-
Công ty cổ phần đầu tư Vương Quốc Việt		
Bán hàng	15.000.031.428	46.020.952.381
Lãi trả chậm tiền hàng	227.990.959	-
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên		
Bán hàng	35.831.904.761	-
Lãi trả chậm tiền hàng	393.020.666	2.841.240.899
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La		
Bán hàng	1.238.786.190	8.753.161.906
Lãi cho vay đầu tư vùng nguyên liệu	-	1.347.929
Mua mía nguyên liệu	19.147.147.228	19.485.676.700
Phí quản lý thu mua mía	475.020.000	507.014.960
Cổ tức được chia	45.958.656	-
Công ty cổ phần Mía đường Trà Vinh		
Bán hàng	162.761.904.764	24.196.819.048
Lãi trả chậm tiền hàng	169.971.507	170.013.699
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc		
Bán hàng	195.854.361.904	462.929.999.994
Lãi khách hàng trả trước tiền hàng	-	199.662.191
Công ty cổ phần Cơ khí điện máy Cần Thơ		
Bán hàng	36.909.714.286	41.857.142.856
Lãi trả chậm tiền hàng	3.433.136.995	560.489.041

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải thu		
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Phải thu khách hàng	10.087.157.826	-
Công ty cổ phần Đường Kon Tum		
Phải thu khách hàng	10.076.572.602	-
Công ty cổ phần đầu tư Vương Quốc Việt		
Phải thu khách hàng	10.217.990.959	-
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hoà		
Phải thu khách hàng	10.015.324.108	5.770.178.200
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên		
Phải thu khách hàng	9.871.843.274	5.472.644.007
Công ty TNHH Thái Liên		
Phải thu khách hàng	8.248.035.616	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LAĐịa chỉ: Km 34 quốc lộ 6 Sơn La - Hà Nội,
Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 30/06/2021**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La		
Phải thu khách hàng	507.575.000	-
Công ty cổ phần Mía đường Trà Vinh		
Phải thu khách hàng	169.971.507	1.091.671.909
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ Cốc		
Phải thu khách hàng	-	599.990
Công ty cổ phần Cơ khí điện máy Cần Thơ		
Phải thu khách hàng	39.208.582.751	40.796.075.342
Cộng	98.403.053.643	53.131.169.448
Nợ phải trả		
Công ty TNHH Thái Liên		
Người mua trả tiền trước	-	100.000
Công ty cổ phần Mía đường Tuy Hoà		
Người mua trả tiền trước	-	3.000.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Phải trả người bán	933.038.464	-
Công ty TNHH Nông nghiệp Tô Hiệu - Sơn La		
Người mua trả tiền trước	-	660.000
Phải trả người bán	522.522.000	557.716.456
Cộng	1.455.560.464	561.476.456

3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Lập ngày 27 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Yên

Nguyễn Thị Khương

Trần Ngọc Hiếu